

NGUYỄN TRƯỜNG GIANG
NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN

MATH

in My World

2



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN TRƯỜNG GIANG
NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN

MATH in My World 2



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



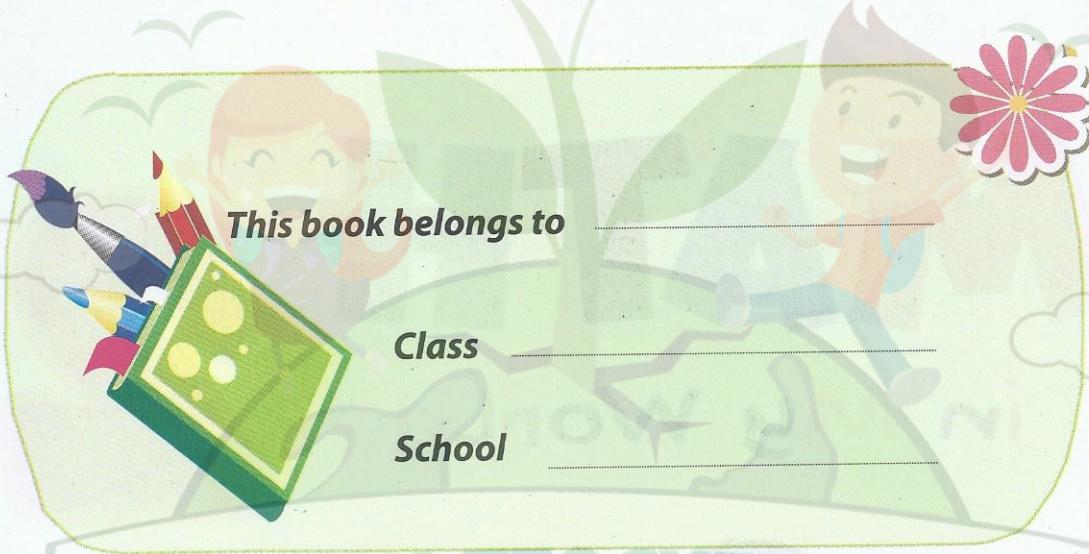
Tổ chức biên soạn:

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh -
Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định

This book belongs to _____

Class _____

School _____



ENGLISH TEACHER CLUB

MINH HỌA TÀI LIỆU GIÁO DỤC

Lời nói đầu

Bộ sách **Math in My World** là bộ sách được biên soạn nhằm giúp các em học sinh Tiểu học làm quen và rèn luyện ngôn ngữ tiếng Anh trong môn Toán.

Sách **Math in My World 2** được thiết kế theo từng bài học với các phần **Lí thuyết** (Vocabulary) đưa ra các thuật ngữ được sử dụng trong bài học; phần **Luyện tập** (Let's practice) với các bài toán có các câu lệnh đơn giản theo chủ đề của bài để học sinh ghi nhớ, vận dụng; phần **Tự luyện** (Let's try) có các bài tập để các em tự rèn luyện và phần **Liên hệ thực tế** (Math in My World) với các bài tập, trò chơi hoặc một thử thách theo các chủ đề gắn liền với thực tế cuộc sống, giúp cho việc học Toán trở nên sinh động và gần gũi hơn. Sách được trình bày đẹp mắt, phù hợp với chuẩn kiến thức và tâm lí của trẻ lớp 2.

Nội dung của quyển sách bao gồm 3 chương với 16 đơn vị bài học và 3 bài ôn:

Chương 1: Số trong phạm vi 20 (số đếm, cộng, trừ, giải toán có lời văn)

Chương 2: Hình dạng

Chương 3: Số trong phạm vi 100 (số đếm, cộng, trừ, giải toán có lời văn).

Thông qua các dạng bài tập đa dạng, hợp lí và lôi cuốn, học sinh có thể vừa luyện tập tiếng Anh vừa học Toán. Điều này sẽ giúp các em cảm thấy thích thú khi học tiếng Anh bằng Toán và tạo cho các em bước nền quan trọng để có thể tiếp cận các kì thi tiếng Anh và Toán quốc tế trong tương lai.

Với mục đích tốt đẹp mà nhóm tác giả mong muốn đạt được, chúng tôi hi vọng quyển sách sẽ được quý thầy cô, quý phụ huynh cùng các em học sinh đón nhận. Chúng tôi cũng rất mong muốn nhận những ý kiến đóng góp để nội dung quyển sách ngày càng hoàn thiện hơn.

NHÓM TÁC GIẢ



Contents

Back to School

5

Chapter 1 Numbers to 20

Unit 1	Numbers 11 through 20	10
Unit 2	Odd and Even Numbers	14
Unit 3	Ordering Numbers (11 – 20)	16
Unit 4	Addition within 20	18
Unit 5	Problem Solving 1	21
Unit 6	Subtraction within 20	25
Unit 7	Problem Solving 2	28
Review 1		31

Chapter 2 Shapes

Unit 8	Basic Shapes	35
Unit 9	Shapes in Our World	38
Review 2		41

Chapter 3 Numbers to 100

Unit 10	Numbers 10 through 100	44
Unit 11	Tens and Ones	47
Unit 12	Counting On and Counting Back	50
Unit 13	Addition within 100	52
Unit 14	Problem Solving 3	55
Unit 15	Subtraction within 100	59
Unit 16	Problem Solving 4	62
Review 3		65



Back to School



Hi, friends! Welcome to **Math in My World 2!**

We will go on the journey to explore the world of math and we will find out how interesting it is!

Before we start, let's see how well you know about math! Are you ready? Let's get started!



What I Know about Math

1. I can count from 1 to 10.

1 2 3 4 5 6
7 8 9 10

2. I can write the number word.

1 one

2

3

4

5

6

7

8

9

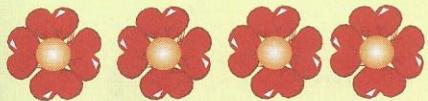
10

ENGLISH TEACHER CLUB

3. I can count and compare numbers (using $>$; $<$, $=$).



a



4



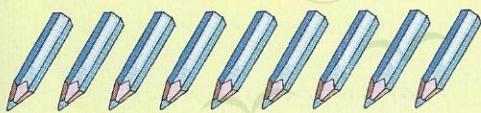
is greater than



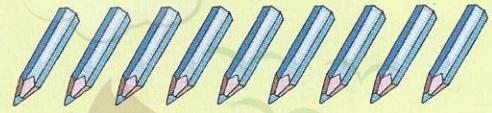
3

is less than

b



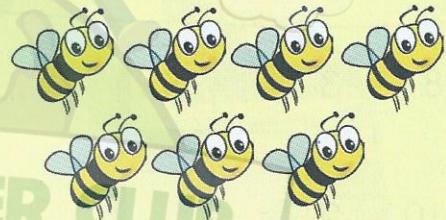
is less than
is equal to



c



is less than

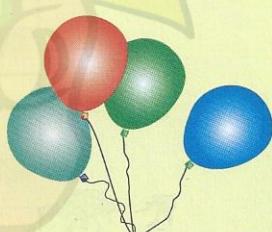


is more than

d



is less than



is greater than

4. I can add and write the addition sentence.

$6 + 3 =$

6 plus 3 equals 9

$8 + 2 =$

$4 + 4 =$

$7 + 0 =$

$5 + 2 =$

5. I can subtract and write the subtraction sentence.

$8 - 3 =$

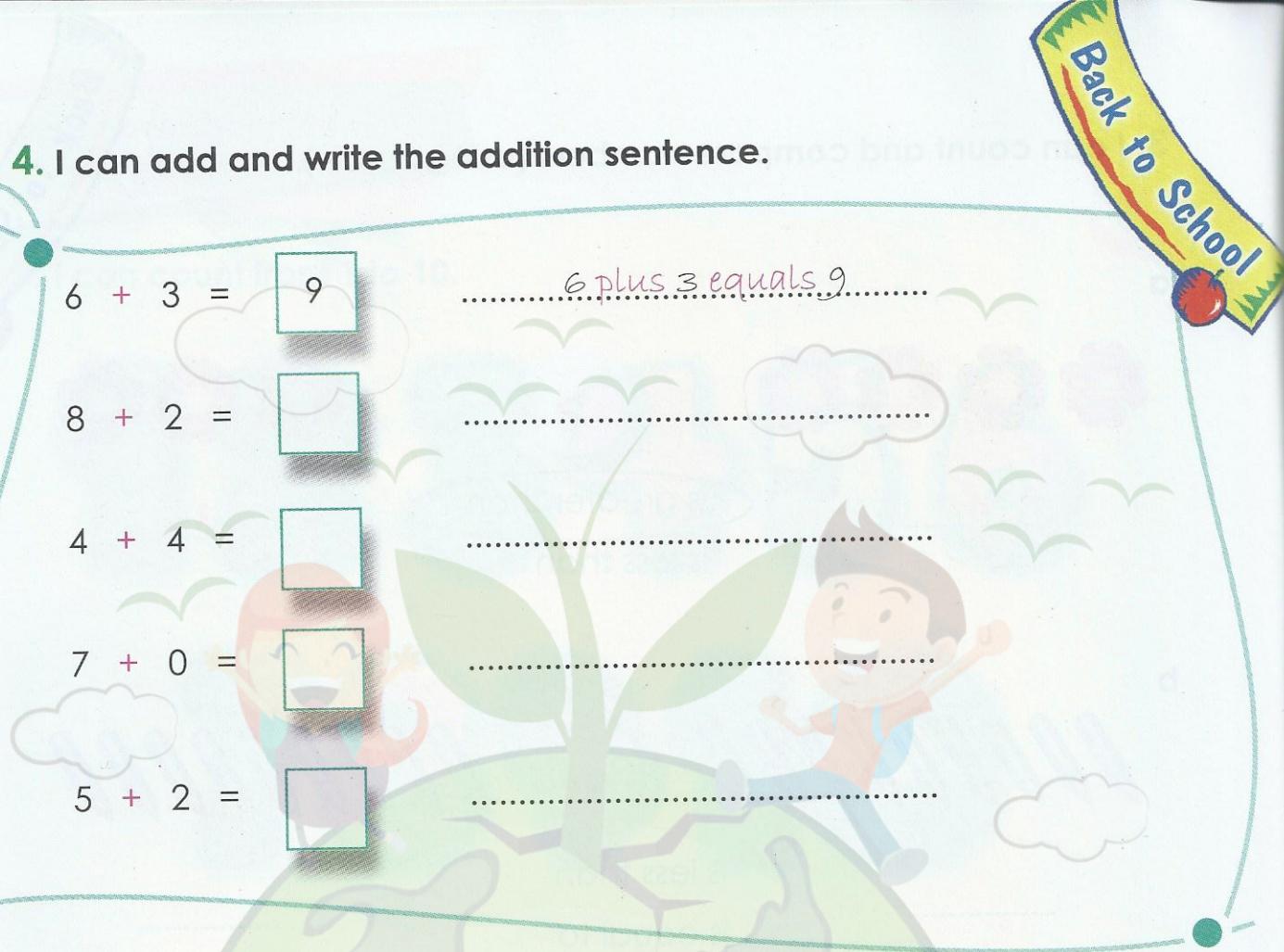
8 minus 3 equals 5

$10 - 2 =$

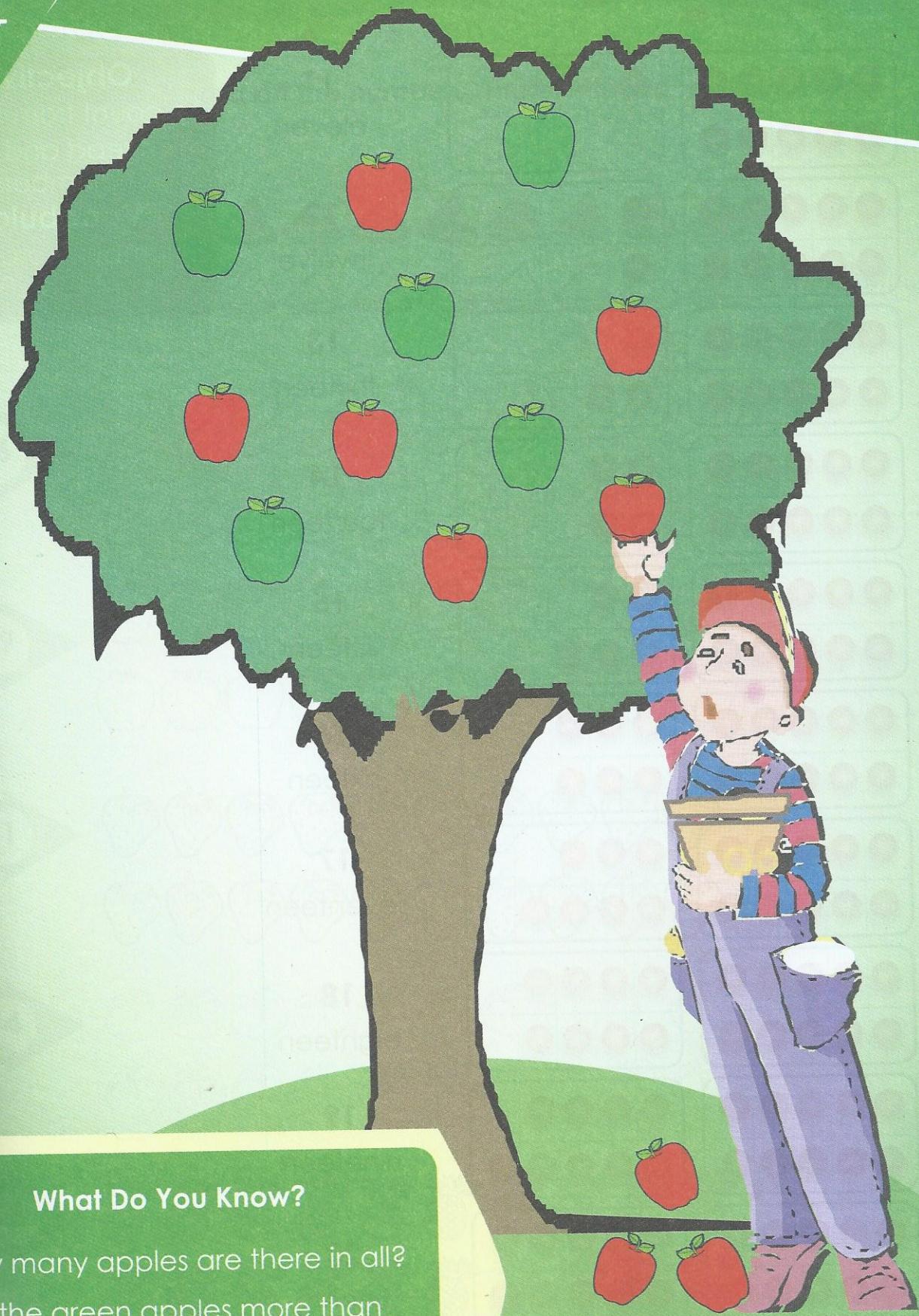
$7 - 4 =$

$5 - 5 =$

$9 - 6 =$



NUMBERS TO 20



What Do You Know?

1. How many apples are there in all?
2. Are the green apples more than the red apples?

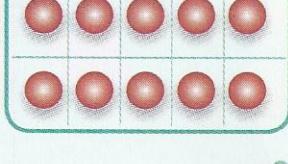
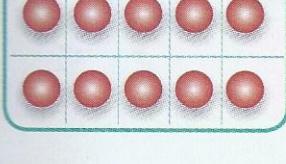
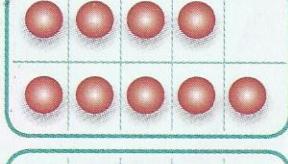
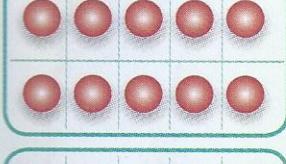
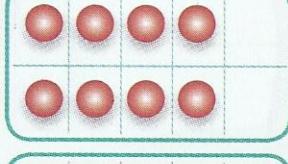
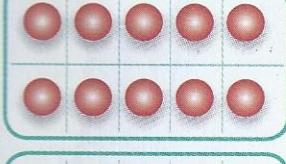
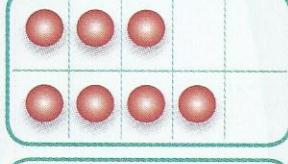
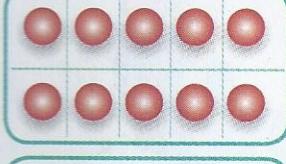
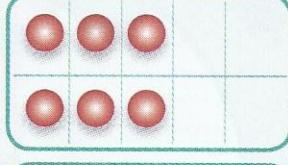
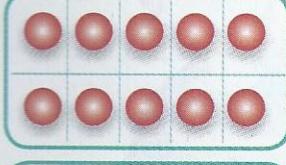
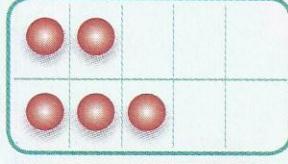
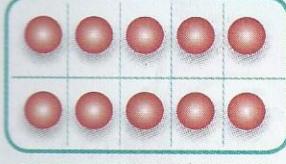
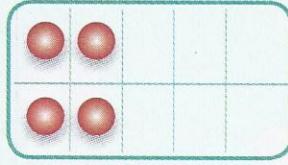
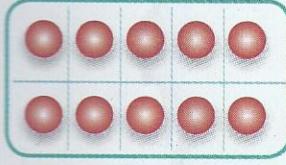
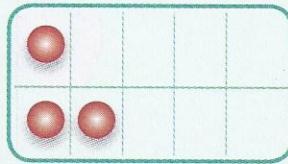
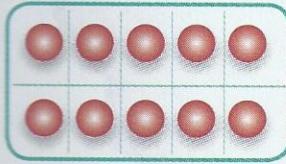
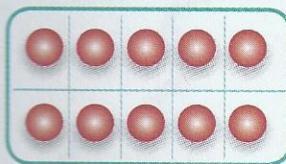
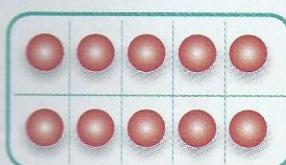
8

4

X

3

9



11

eleven

12

twelve

13

thirteen

14

fourteen

15

fifteen

16

sixteen

17

seventeen

18

eighteen

19

nineteen

20

twenty

Objectives

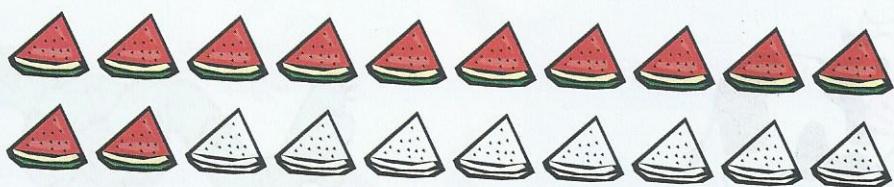
To count from 11 to 20

To read and write
numbers**Vocabulary**Number words from
11 to 20

Let's practice ➤

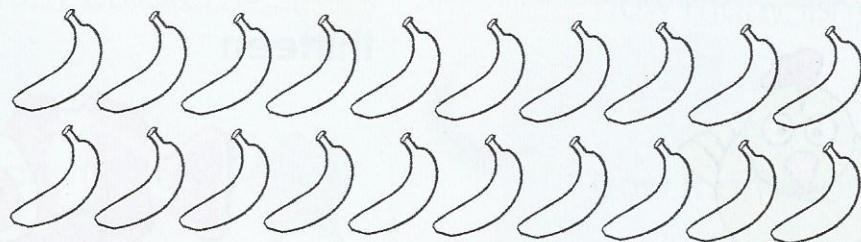
Color the fruits based on the numbers. Then write the number word.

12



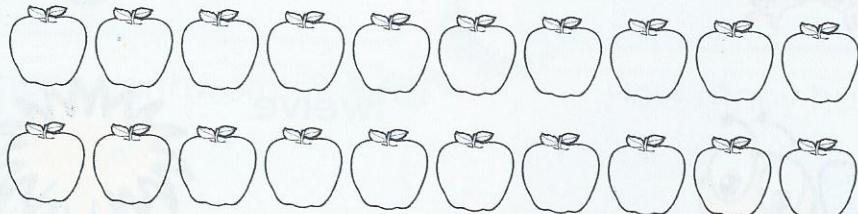
..... twelve

16



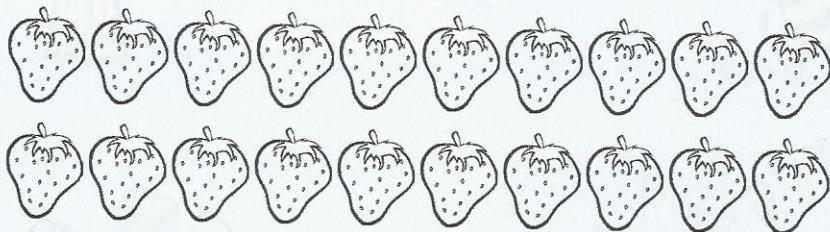
.....

19



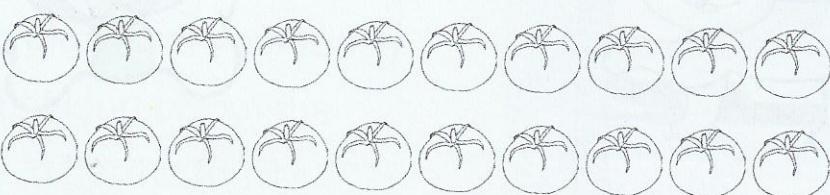
.....

11



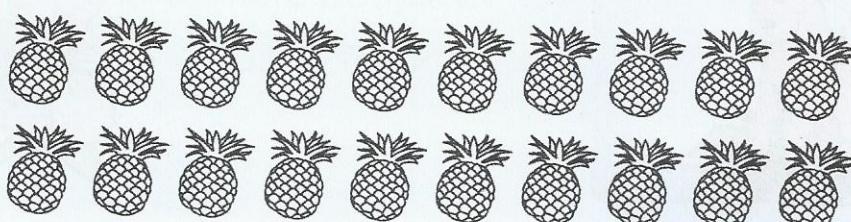
.....

14



.....

18

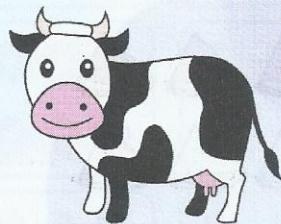


.....

Let's try

1. Match the groups that are equal.

12



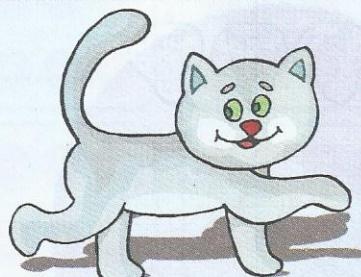
15



17



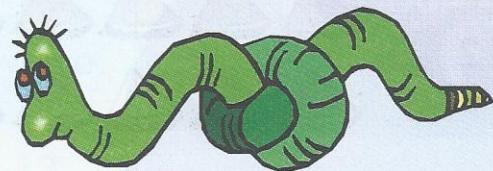
13



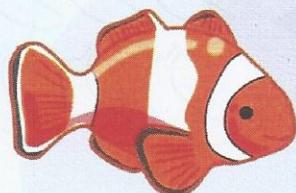
20



fifteen



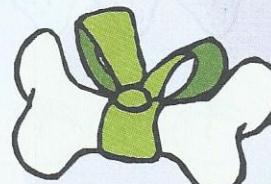
thirteen



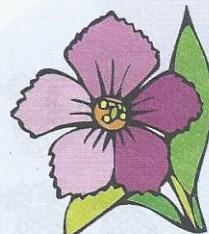
twelve



twenty

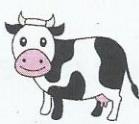


seventeen



2. Look at page 12. Write and compare the numbers by using < or >.

a How many cows?



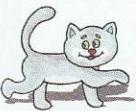
12

How many bees?



17

b How many cats?



<

How many dogs?



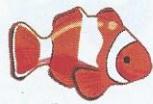
c How many chickens?



d How many flowers?



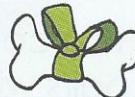
How many fish?



e How many earthworms?



How many bones?



Math in My World

1. How many people are there in your family?

Draw a picture of your family.

2. Ask your friend about the people in her/his family.

3. Which family has more people?
a. My family b. My friend's

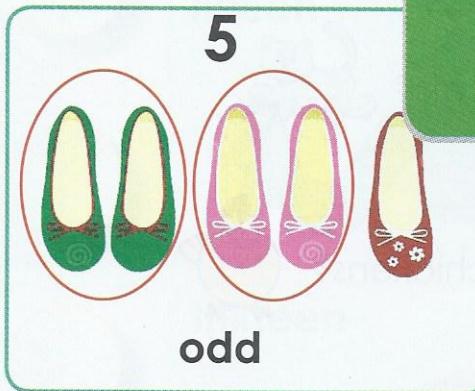
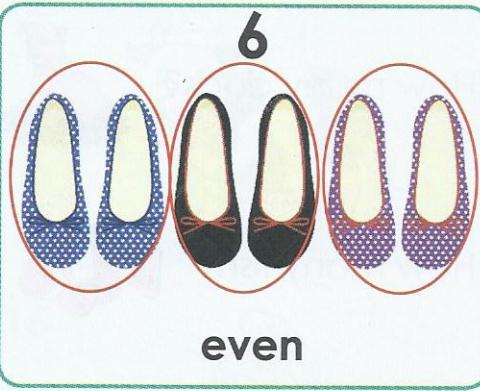
8

4

-

x

3

Counting numbers are **even** or **odd**.**Objectives**

To find a pattern in even and odd numbers

Vocabulary

even, odd

You can always make pairs with an even number of objects.

There is always one left with an odd number of objects.

Let's practiceCircle the pairs of socks. Then write **even** or **odd**.

1.



odd

2.



3.



4.

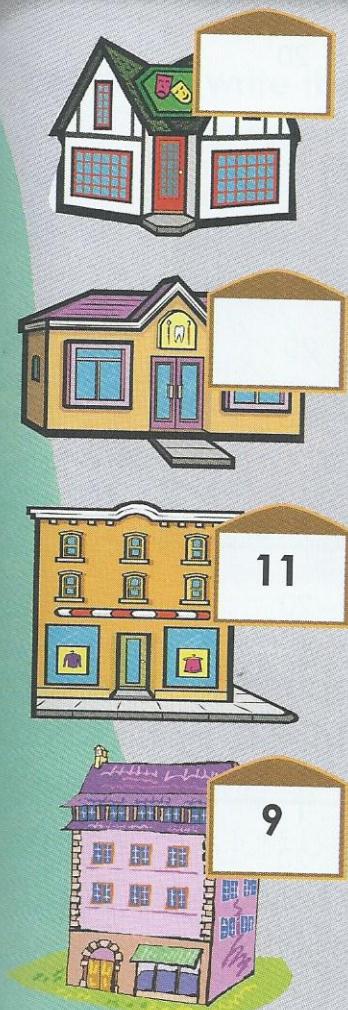


Let's try

Color the boxes with even numbers **blue**, odd numbers **red**.

0	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20

Math in My World



House numbering

The odd numbers are on one side of the street, and the even numbers are on the other side. Complete the number on each house.



8

4

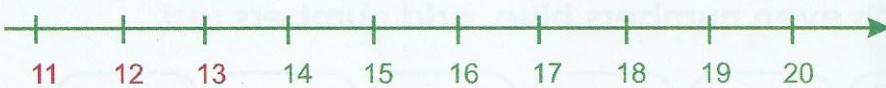
15

16

17

3

9



11 is just before **12**

12 is between **11** and **13**

13 is just after **12**

Objectives

To order the numbers 11 through 20

Using words

Vocabulary

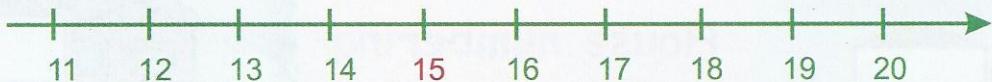
just before

just after

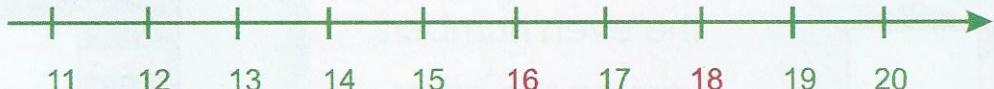
between

Let's practice

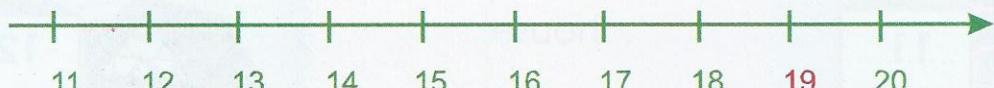
Write the number.



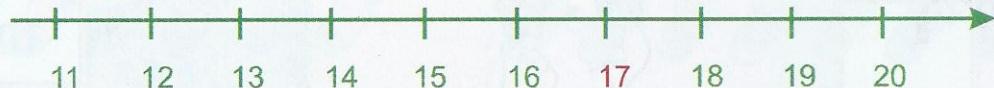
1. Which number is just before 15?



2. Which number is between 16 and 18?



3. Which number is just after 19?



4. Which number is just before 17?

9
Let's try

Circle the best answer.

1. 13 is 12.

just after

just before

2. 18 is 19.

just after

just before

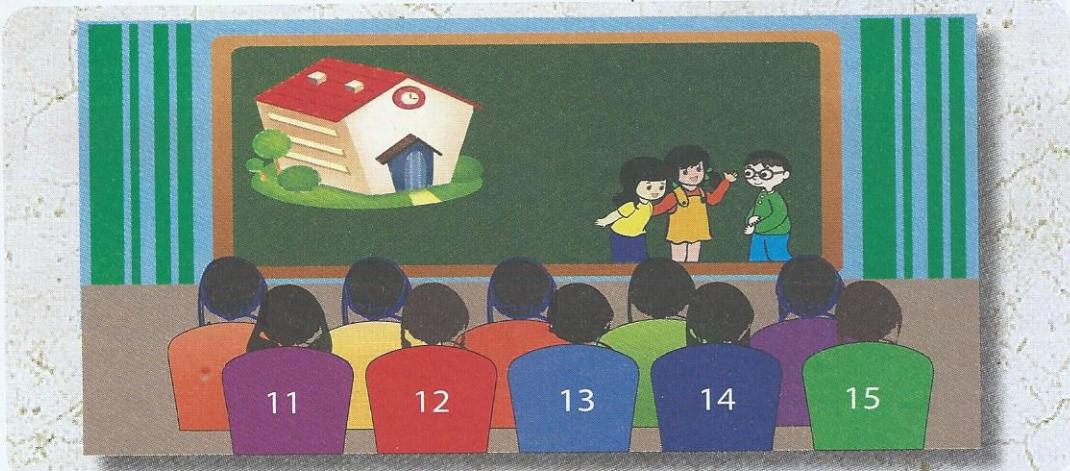
3. 16 is 15 17.

just before

between ... and

Math in My World

Read and write the name of the children below each seat.



..... Linh

Linh and her friends are sitting in the same row at the cinema.

Linh is sitting at Seat 12.

Khanh is sitting at Seat 15.

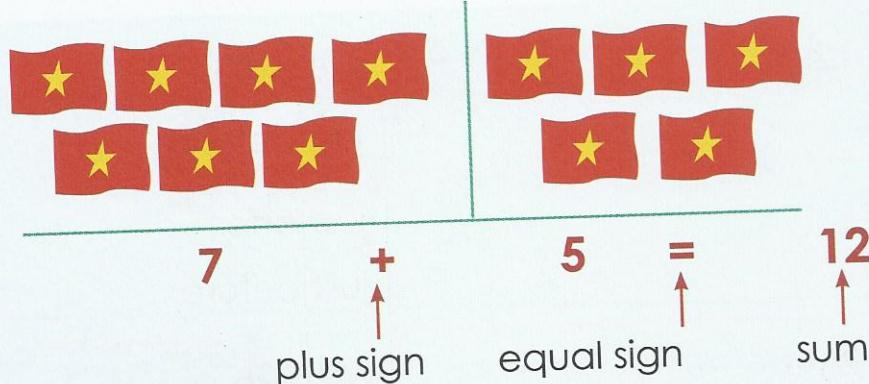
Mai's seat is just before Linh's seat.

Thanh's seat is just after Linh's seat.

An's seat is between Thanh's and Khanh's seats.

8 4 × 3

We use the plus sign and equal sign to write an addition sentence



We say: Seven plus five equals twelve.

Objectives

To solve addition sentences within 20 using + and =

Vocabulary

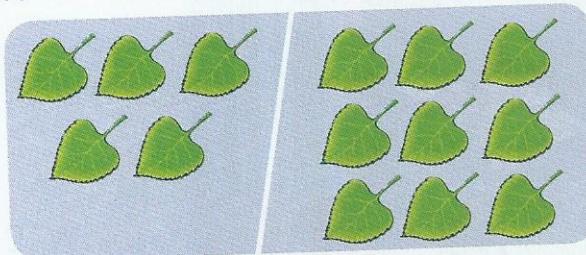
plus sign
equal sign
addition sentence
sum

The sum tells how many in all.

Let's practice

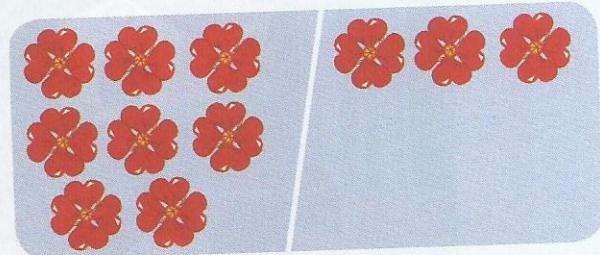
Write the addition sentence.

1.



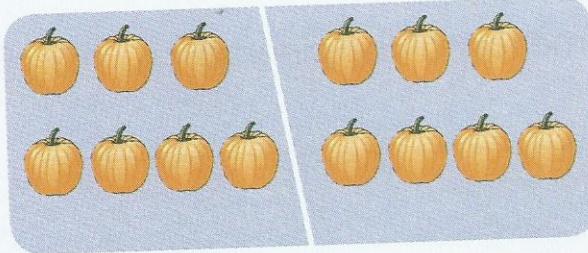
$$5 + 9 = \dots \dots \dots$$

2.



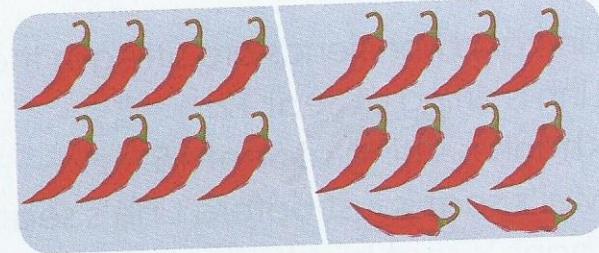
$$\dots \dots \dots + \dots \dots \dots = \dots \dots \dots$$

3.



$$\dots \dots \dots + \dots \dots \dots = \dots \dots \dots$$

4.



$$\dots \dots \dots + \dots \dots \dots = \dots \dots \dots$$

Let's try



Write the sum and compare (using $<$, $>$, $=$).

1.

$8 + 5 =$

$6 + 7 =$

2.

$9 + 5 =$

$10 + 9 =$

3.

$6 + 9 =$

$10 + 4 =$

4.

$11 + 7 =$

$8 + 9 =$

5.

$7 + 9 =$

$5 + 10 =$

6.

$8 + 7 =$

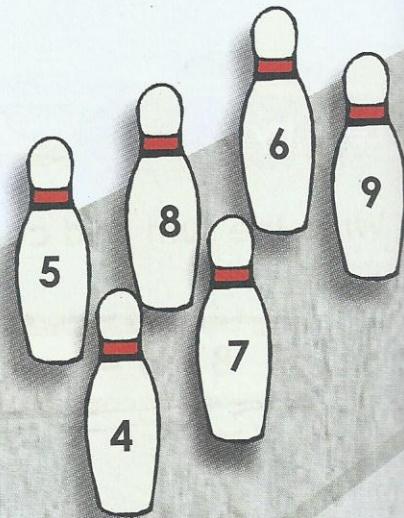
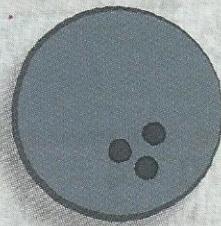
$9 + 9 =$



Math in My World

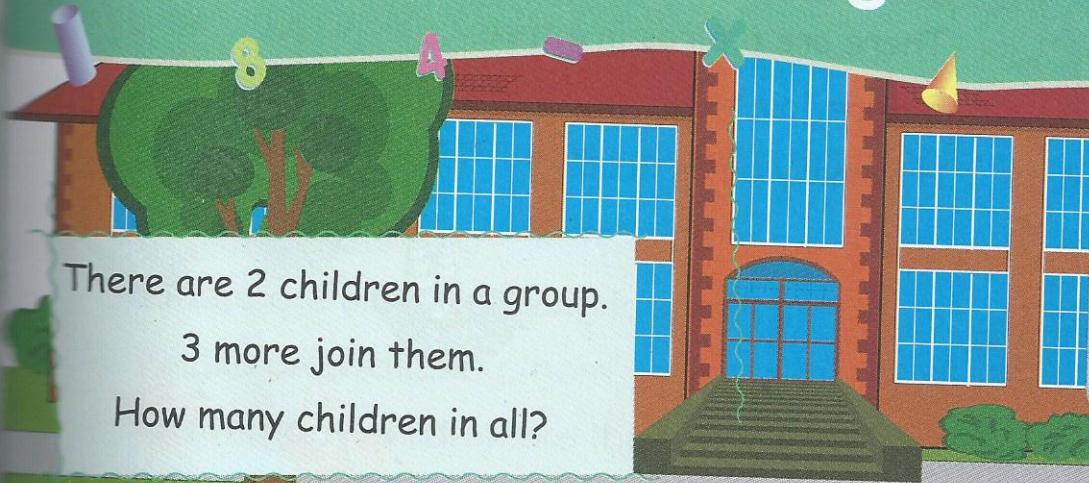
Going Bowling

Which pins must Nam knock down to score 10?



Help him knock down the pins to score:

1.  +  = 11
2.  +  = 12
3.  +  = 13
4.  +  = 14
5.  +  = 15



There are 2 children in a group.
3 more join them.
How many children in all?



UNDERSTAND

What do you know?

- There are **2** children in a group.
- **3** more children join them.

PLAN

How should you solve the problem?

Add

Subtract

SOLVE

Write an addition sentence.

$$\dots \textcolor{red}{2} \dots + \dots \textcolor{red}{3} \dots = \dots \textcolor{red}{5} \dots$$

How many children in all? 5 children.



Let's practice

Solve the problem.

There are 6 birds in a tree.
5 more join them.
How many birds in all?



UNDERSTAND

What do you know?

- There are birds in a tree.
- more birds join them.

PLAN

How should you solve the problem?

Add

Subtract

SOLVE

Write an addition sentence.

..... + =

How many birds in all? birds.

Let's try

Write an addition sentence to solve the problem.

1.

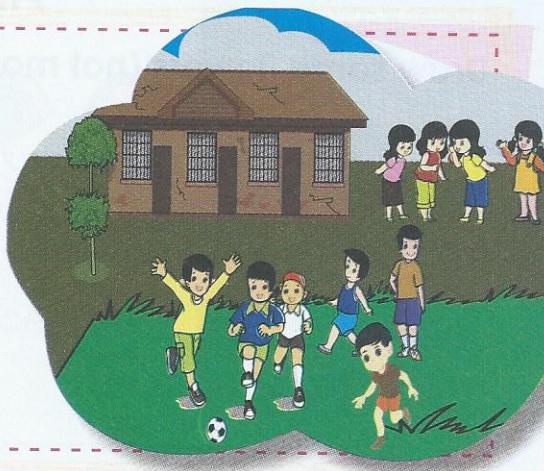
There are 6 boys playing football.

5 girls are watching them.

How many children are there in all?

$$\dots + \dots = \dots$$

There are children in all.



2.

Trung has 9 toy cars.

Nam has 6 toy cars.

How many toy cars do they have altogether?

$$\dots + \dots = \dots$$

They have toy cars altogether.



3.

Mother buys 7 red apples and 6 green apples from the market.

How many apples does mother buy altogether?

$$\dots + \dots = \dots$$

Mother buys apples altogether.





Math in My World

Art and Math

Draw some flowers (not more than 10) onto this picture.



How many flowers do you have? flowers.

Now ask your partner about her/his flowers.

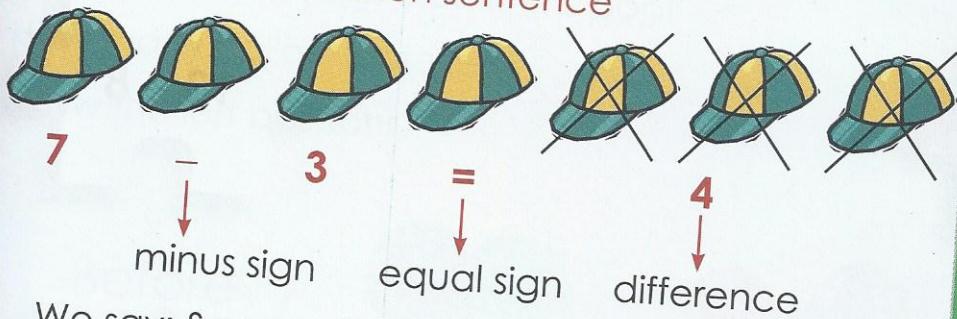
How many flowers does she/he have? flowers.

How many flowers do you and your partner have altogether?

$$\dots + \dots = \dots$$

We have flowers altogether.

We use the minus sign and equal sign to write a subtraction sentence

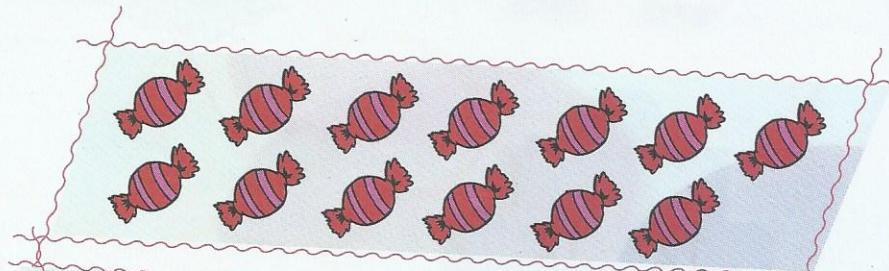


We say: Seven minus three equals four.

Let's practice

Cross to show how many you subtract.

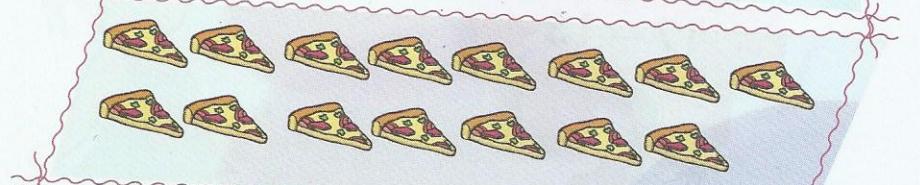
1. $13 - 5 = \dots$



2. $12 - 4 = \dots$



3. $15 - 7 = \dots$



4. $16 - 6 = \dots$



Objectives

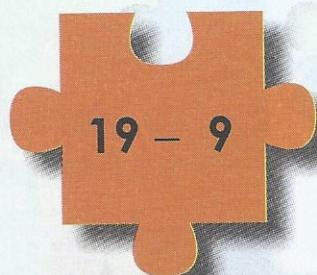
To solve subtraction sentences within 20 using - and =

Vocabulary

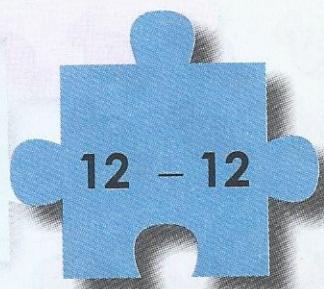
minus sign
equal sign
subtraction sentence
difference

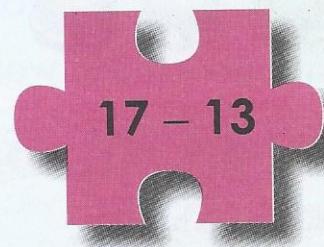
Let's try

Subtract. Then match and color.

 $19 - 9$

 $15 - 10$

 $12 - 12$

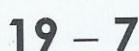
 $17 - 13$

 $20 - 8$

 $13 - 8$

 $16 - 12$

 $17 - 7$

 $19 - 7$

 $16 - 16$

Math in My World

Pop, pop! My balloons pop!

Hoa has 12 balloons. 6 balloons pop!

How many balloons are left?

Draw the left balloons.

Before



After



8

4

-

x

3

9

There are 8 birds on a branch of tree.

3 birds fly away.

How many birds are left?



UNDERSTAND

What do you know?

- There are 8 birds on a branch of tree.
- 3 birds fly away.

PLAN

How should you solve the problem?

Add

Subtract

SOLVE

Write a subtraction sentence.

$$\dots \text{8} \dots \text{ } - \text{ } \dots \text{3} \dots = \dots \text{5} \dots$$

How many birds are left? 5 birds.

Objectives

To write a subtraction sentence to solve a story problem

Vocabulary

add

subtract

subtraction sentence

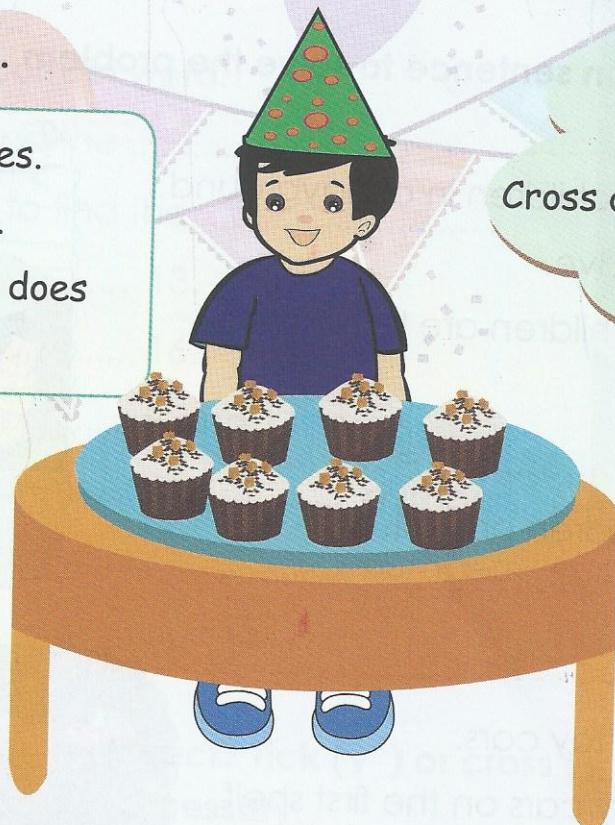
Let's practice

Solve the problem.

Trung has 8 cookies.

He eats 2 cookies.

How many cookies does
Trung have left?



Hint

Cross out the cookies
he eats.

UNDERSTAND

What do you know?

- Trung has cookies.
- He eats cookies.

PLAN

How should you solve the problem?

Add

Subtract

SOLVE

Write a subtraction sentence.

..... - =

How many cookies does he have left?
..... cookies.

Let's try

Write a subtraction sentence to solve the problem.

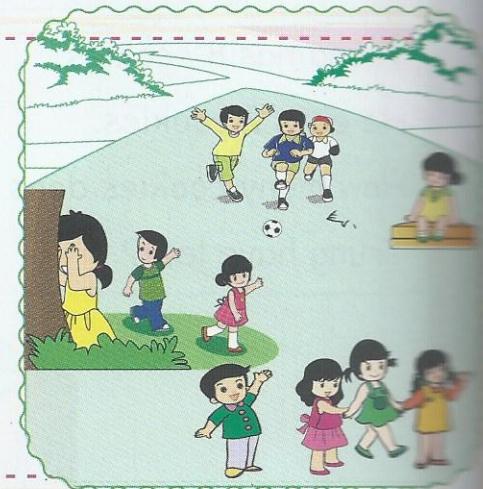
1. There are 11 children in a playground.

4 children leave.

How many children are left in the playground?

$$\dots - \dots = \dots$$

..... children are left.



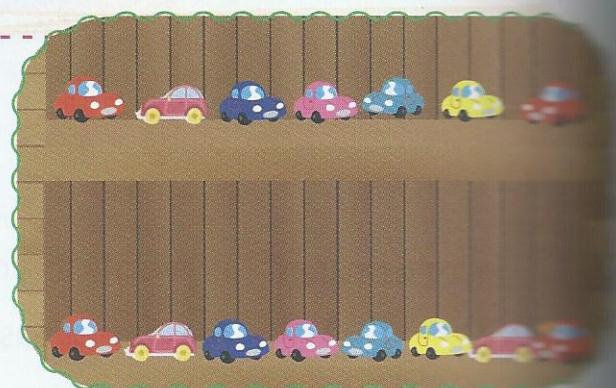
2. Minh has 15 toy cars.

He puts 8 toy cars on the first shelf.

How many toy cars does he put on the second shelf?

$$\dots - \dots = \dots$$

Minh puts toy cars on the second shelf.



3. Mai has 12 books.

She reads 6 books.

How many more books does she need to read?

$$\dots - \dots = \dots$$

Mai needs to read more books.



Review 1

8

4

X

3

A. Choose the correct word.

1. You add to find the
2. You subtract to find the
3. 12 is 13.
4. 17 is 16.
5. 10 is 9 and 11.
6. 10, 12, 14, ... are numbers.
7. 11, 13, 15, ... are numbers.
8. 10 plus 5 15.

between
 just before
 just after
 sum
 difference
 equals
 odd
 even

B. Which sentence is correct? Tick (✓) or cross (✗). Then correct where necessary.

Correct

1. $9 + 3 = 12$



.....

2. $17 - 8 = 10$



..... $17 - 8 = 9$

3. $6 + 7 = 12$



.....

4. $12 + 7 = 19$



.....

5. $11 - 6 = 5$



.....

6. $7 + 8 = 16$



.....

7. $15 - 9 = 6$



.....

8. $10 + 8 = 16$

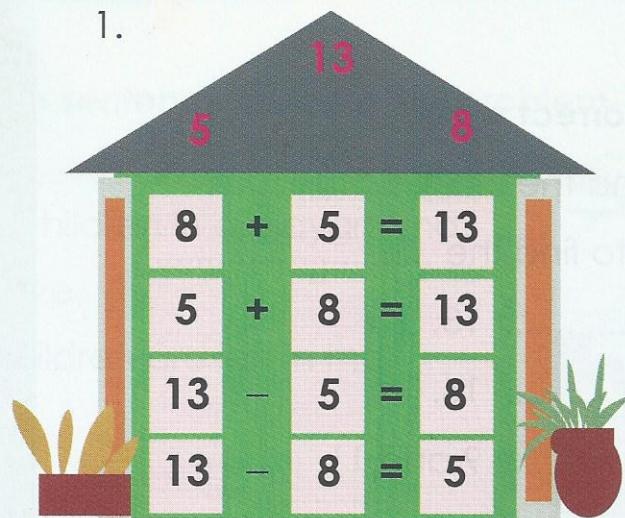


.....

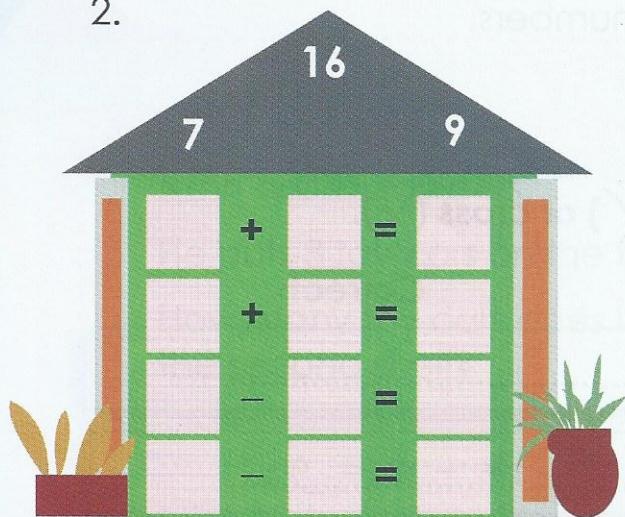


C. Write the fact family with the numbers in the house.

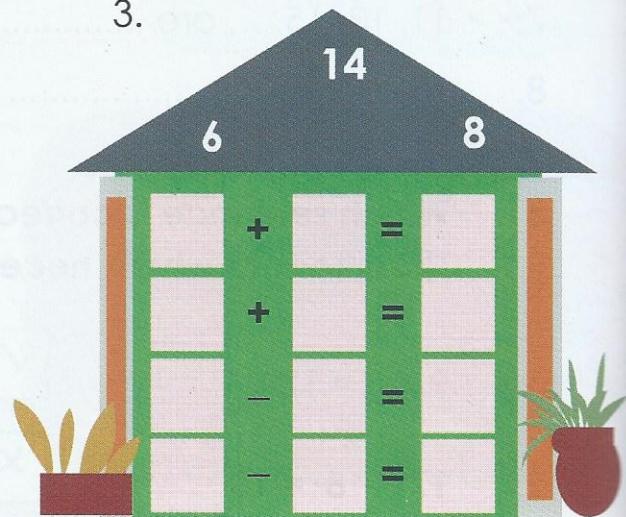
1.



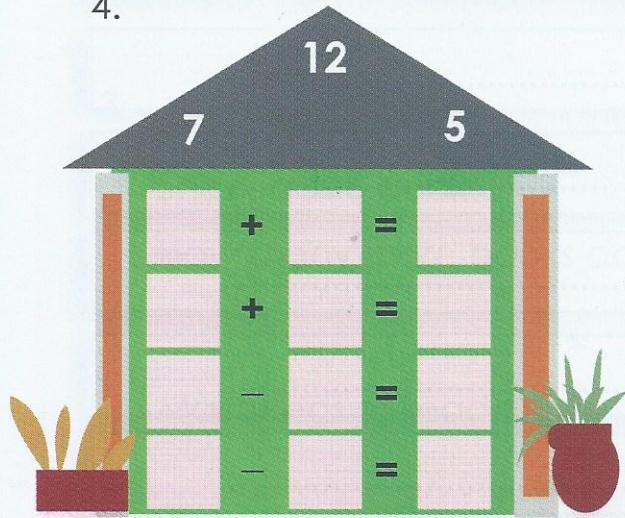
2.



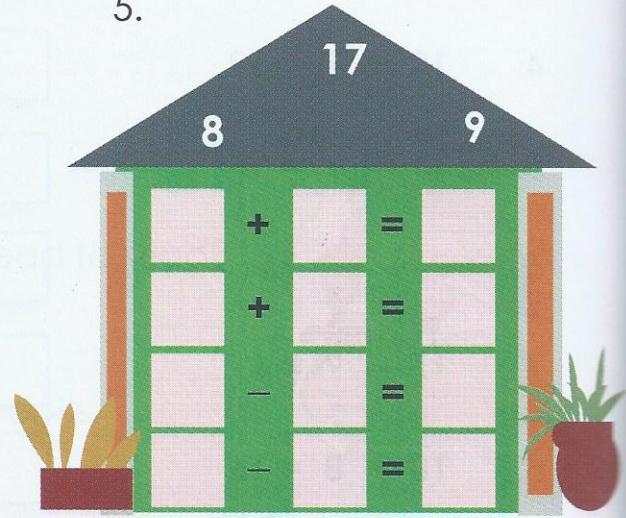
3.



4.



5.



D. Solve the problem.

1.

Hai has 7 marbles.

Binh has 9 marbles.

How many marbles do they have altogether?

$$\dots \bigcirc \dots = \dots$$



Answer: They have marbles altogether.

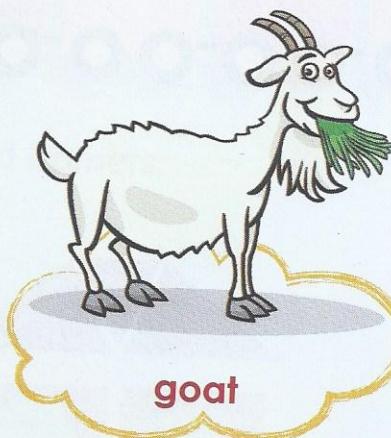
2.

12 goats are eating grass.

4 goats leave.

How many goats are eating grass now?

$$\dots \bigcirc \dots = \dots$$



Answer: There are goats eating grass now.

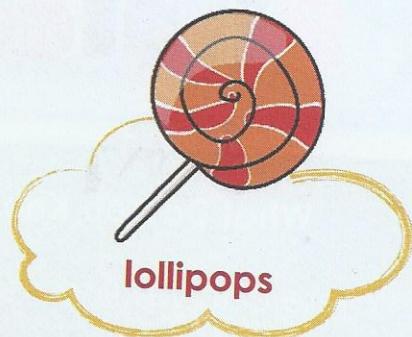
3.

Lan has 15 lollipops.

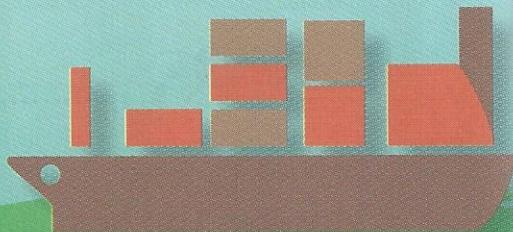
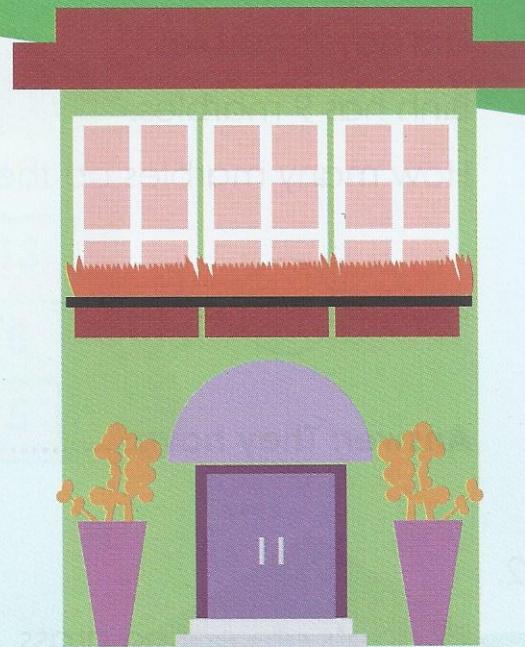
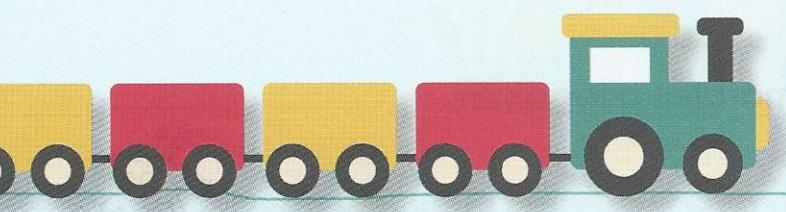
She gives 11 lollipops to her friends.

How many lollipops does Lan have left?

$$\dots \bigcirc \dots = \dots$$



Answer: Lan has lollipops left.



What Do You Know?

1. Where can we find shapes?
2. How are shapes different?



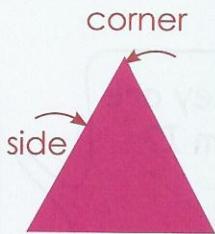
a circle



a square



a rectangle



corner

side



a triangle

Some shapes have sides and corners.

ObjectivesTo identify, and describe
4 basic shapes**Vocabulary**

sides

corners

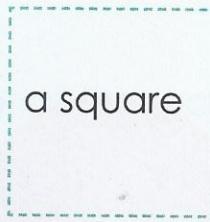
names for shapes

Let's practice **1. Trace the shapes and write the number of sides and corners.**

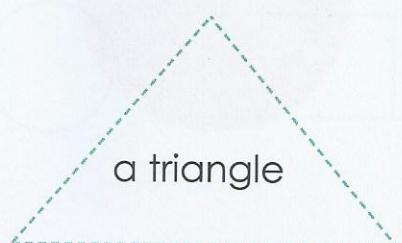
a circle



a rectangle



a square



a triangle

..... side

..... corner

..... sides

..... corners

..... sides

..... corners

..... sides

..... corners

2. Read and write the answer then match.

I have four sides. They are all the same. What am I?

A



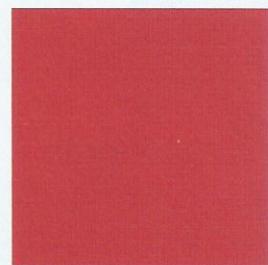
I don't have any sides or corners. What am I?

A



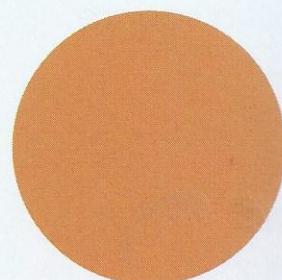
I have three sides and three corners. What am I?

A



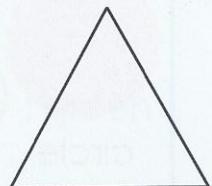
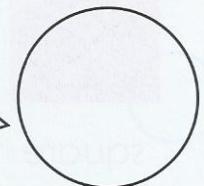
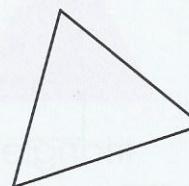
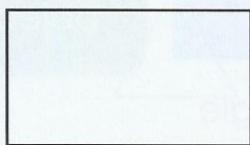
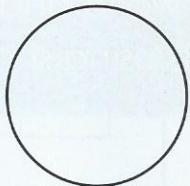
I have four sides. Two long and two short. What am I?

A

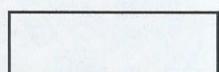
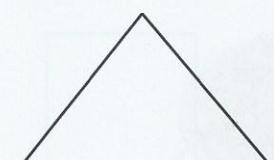
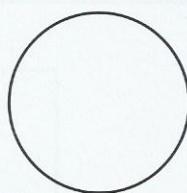
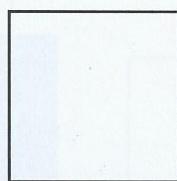
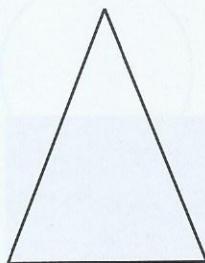


Let's try

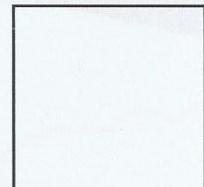
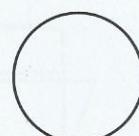
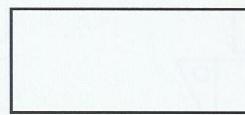
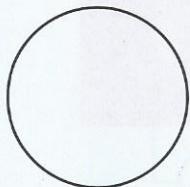
1. Color all the circles blue.



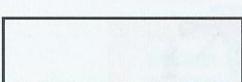
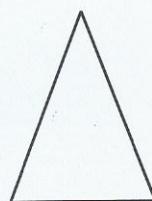
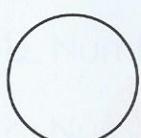
2. Color all the triangles red.



3. Color all the squares green.



4. Color all the rectangles orange.



8

4

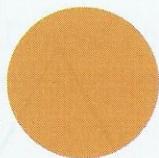
2

X

Y

3

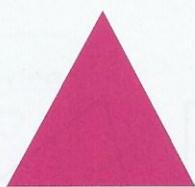
Remember the shapes



circle



square



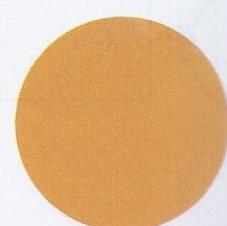
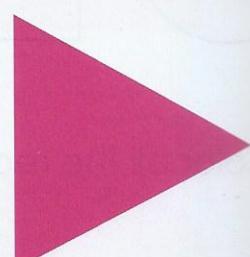
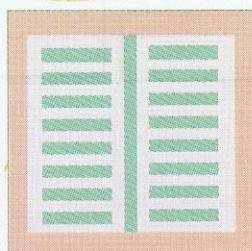
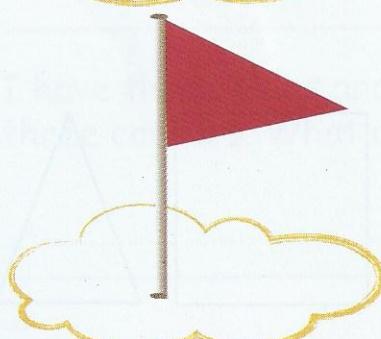
triangle



rectangle

Objectives

To identify shapes in the real world and draw objects using shapes

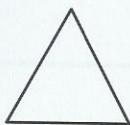
Let's practice**We can find shapes in everything around us.****Match the object and the shape.**

Let's try

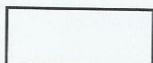
1. Color the picture below.



: blue



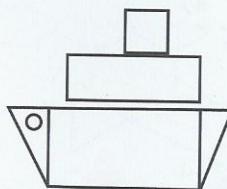
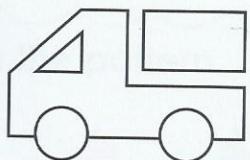
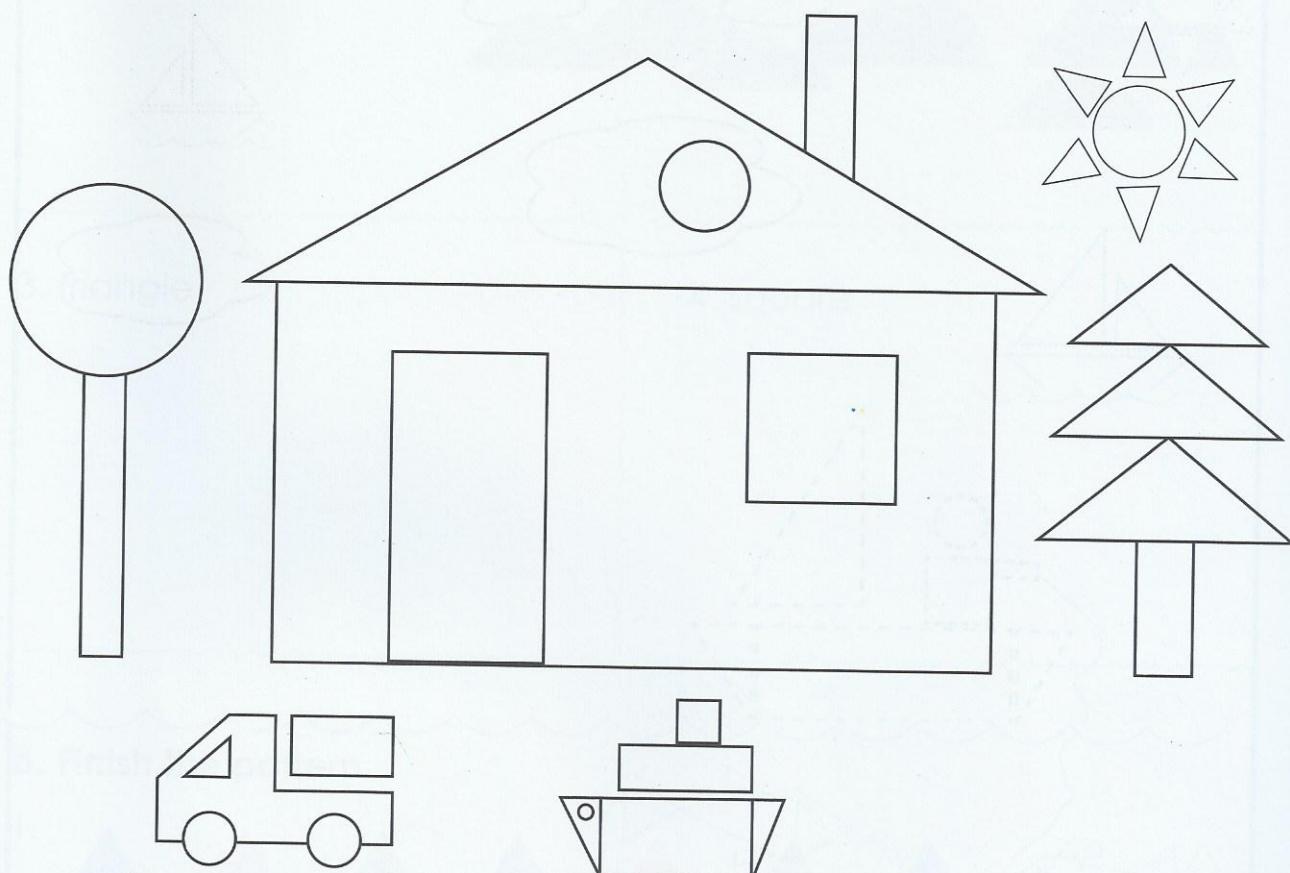
: red



: orange



: green



2. Count and write the numbers of shapes.

a. Number of circles:

b. Number of squares:

c. Number of rectangles:

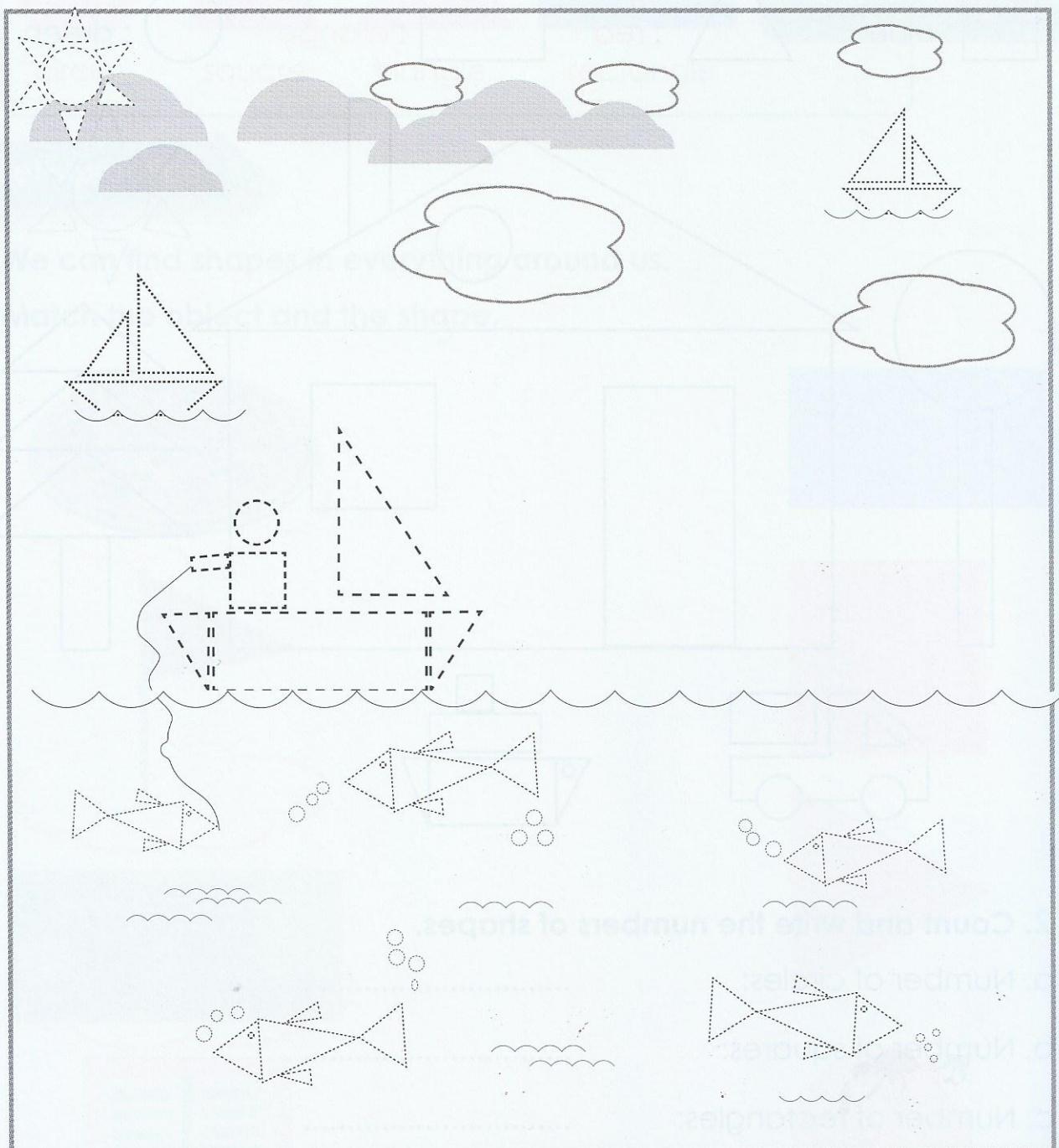
d. Number of triangles:



Math in My World

Let's go fishing

It's a great day to go fishing. Trace and color the picture. Have fun!



Review 2

A. Draw a shape to match the word.

1. rectangle

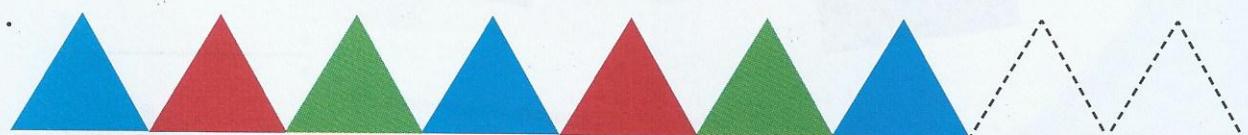
2. circle

3. triangle

4. square

B. Finish the pattern.

1.



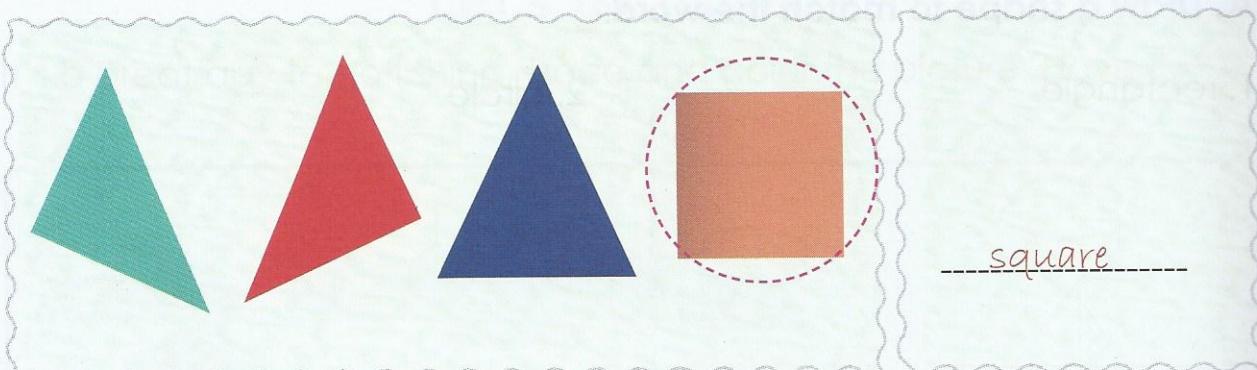
2.



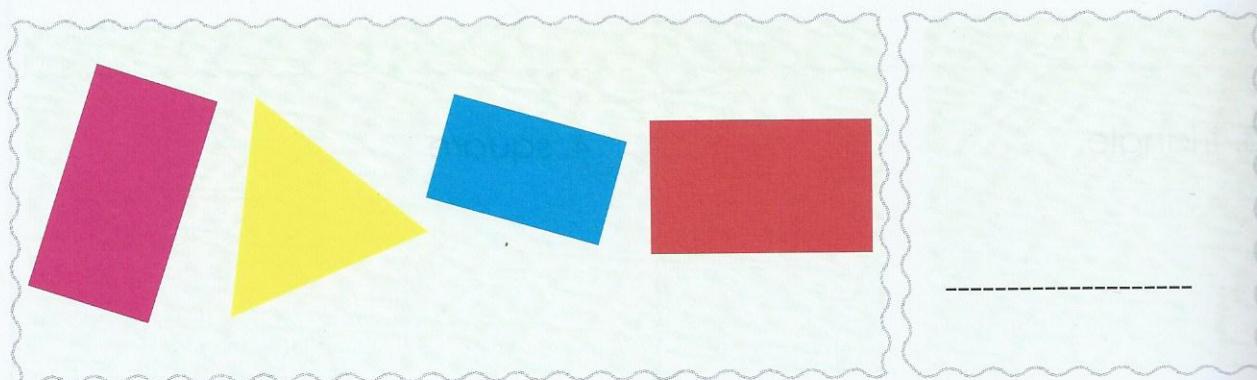
3.



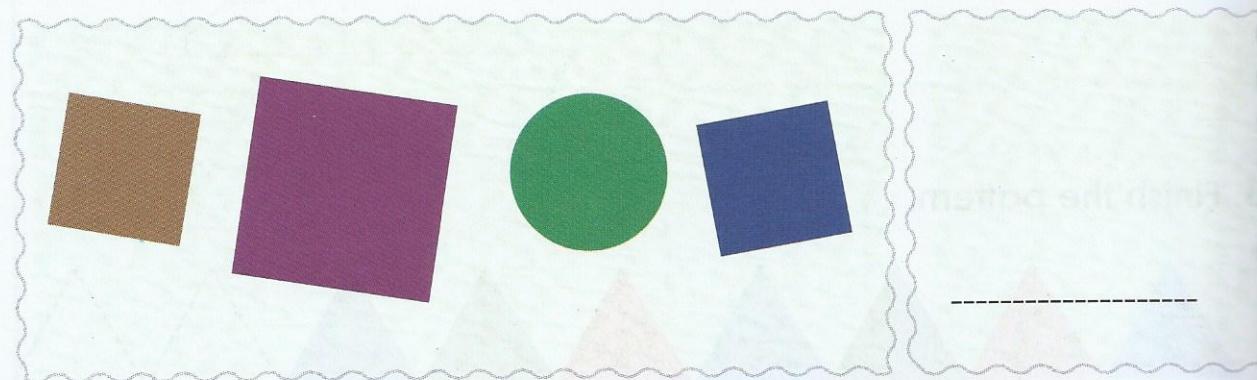
C. Circle and write the name of the odd-one-out shape.



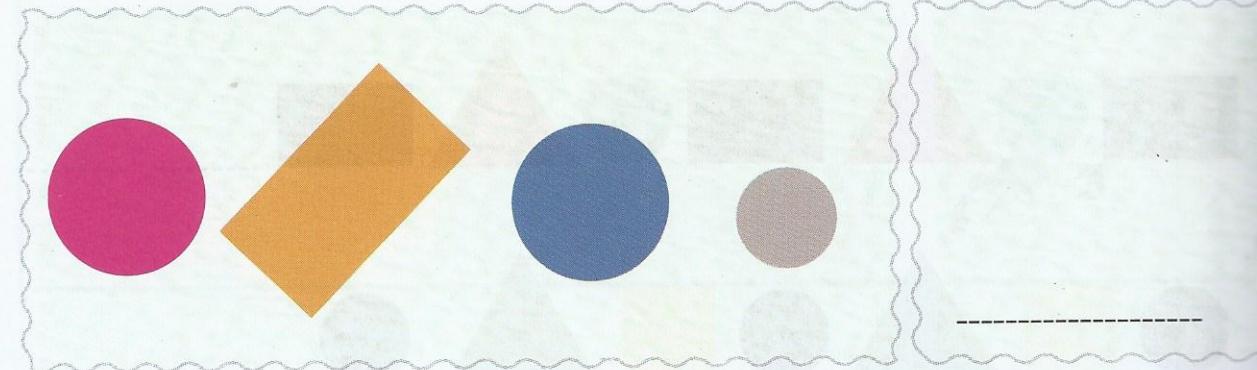
square



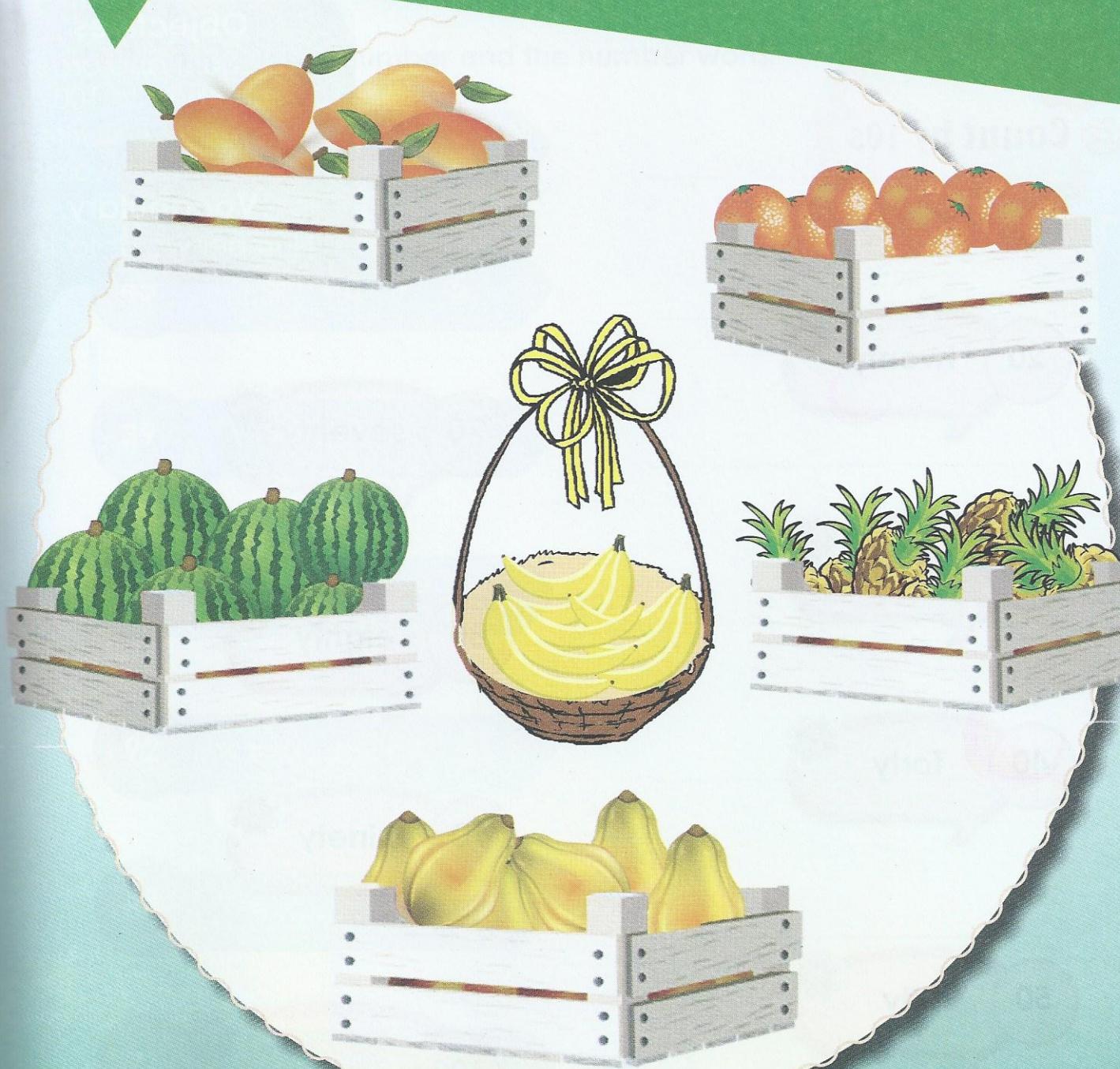
rectangle



circle



circle

**What Do You Know?**

1. How many kinds of fruit do you know? 10? 20? Or more?
2. Can you guess the number of each fruit in the picture?

Unit 10 Numbers 10 through 100



20 twenty

30 thirty

40 forty

50 fifty

60 sixty

70 seventy

80 eighty

90 ninety

100 one hundred

Objectives

To count and order numbers to 100

To read and write the number words

Vocabulary

Number words to 100

Let's practice

Write the value of number and the number word.

$$23 = 20 + 3$$

twenty-three

$$45 = 40 + 5$$

forty-five

$$39 = 30 + 9$$

$$57 = \dots + \dots$$

$$92 = \dots + \dots$$

$$84 = \dots + \dots$$

$$71 = \dots + \dots$$

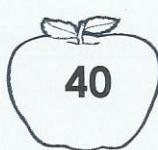
$$66 = \dots + \dots$$



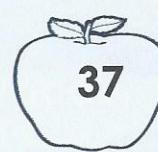
Let's try

1. Color the apples with greater number **red** and the smaller one **green**

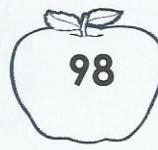
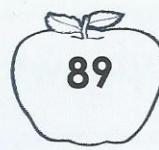
a.



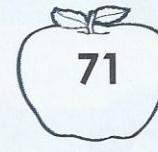
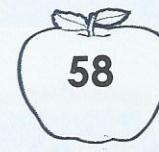
b.



c.

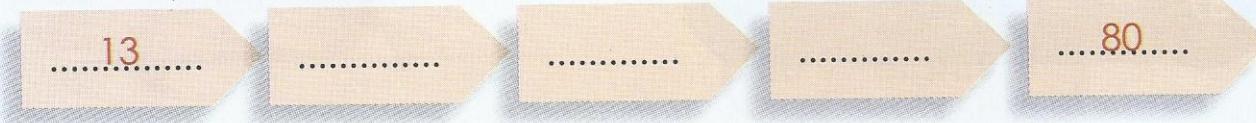


d.



2. Put the numbers in the correct order.

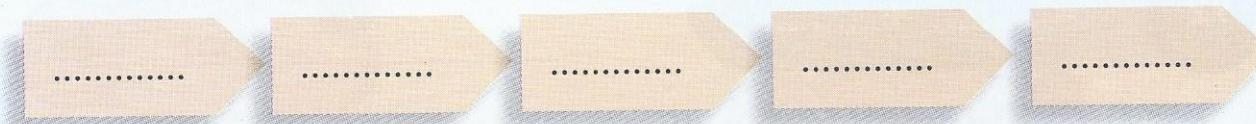
a. 13, 38, 67, 80, 42



13

80

b. 55, 23, 77, 46, 19



.....

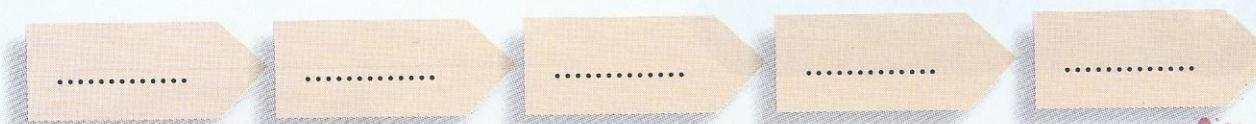
.....

.....

.....

.....

c. 94, 35, 63, 58, 26



.....

.....

.....

.....

.....

Math in My World

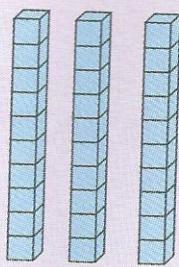
My class

Hi! My name is I'm years old.

My class is There are students in my class.

There are boys and girls. We have teachers. I love all my friends and my teachers.

You can show numbers as tens and ones.

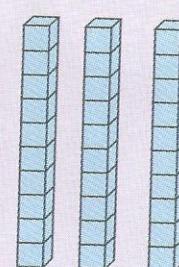


Tens: 3



Ones: 4

=



34

Objective

To count and identify tens and ones.

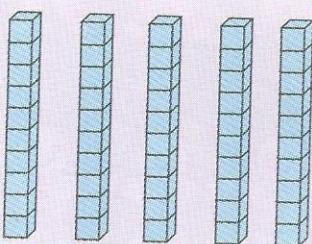
Vocabulary

tens
ones

Let's practice

Write the tens and the ones. Then write the number.

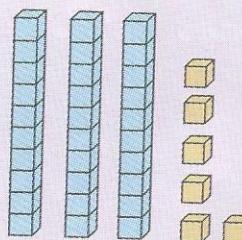
1.



Tens
5

.....
50

2.



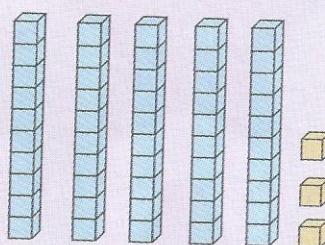
Tens

.....

Ones

.....

3.



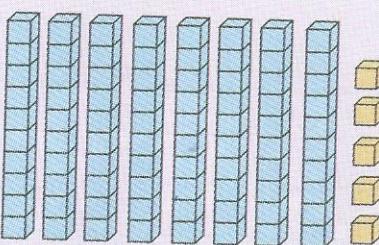
Tens

.....

Ones

.....

4.



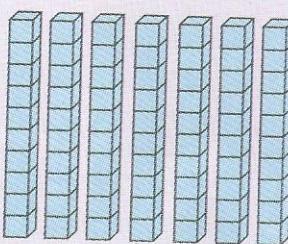
Tens

.....

Ones

.....

5.



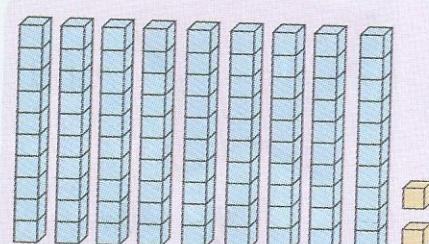
Tens

.....

Ones

.....

6.



Tens

.....

Ones

.....



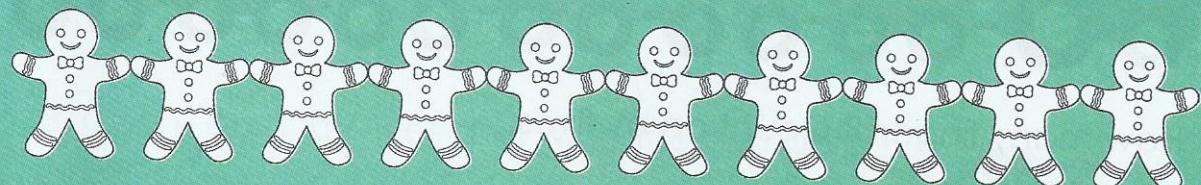
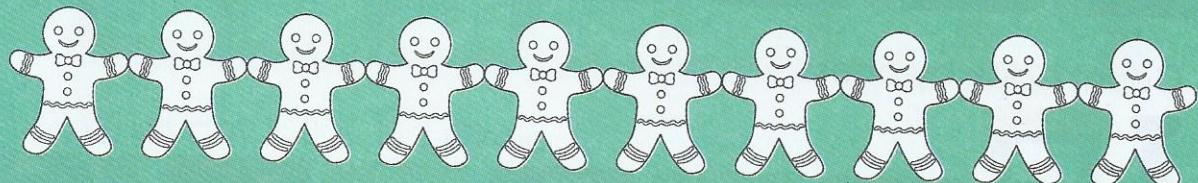
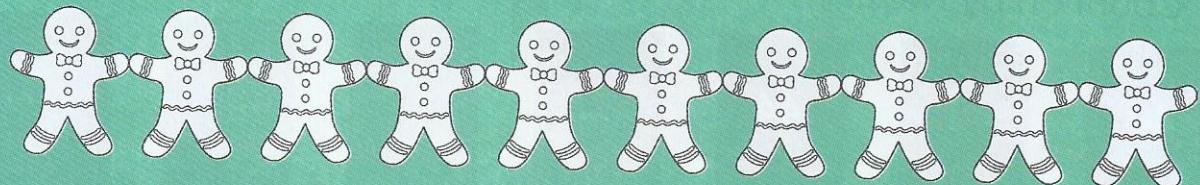
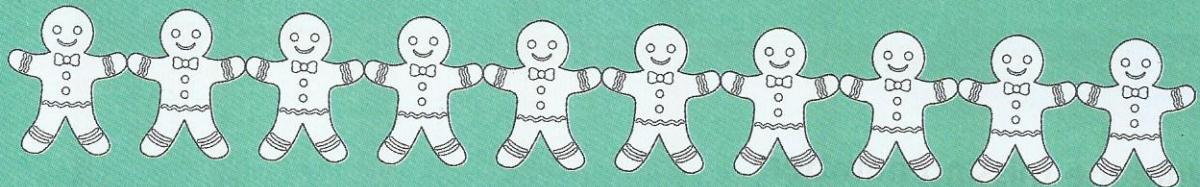
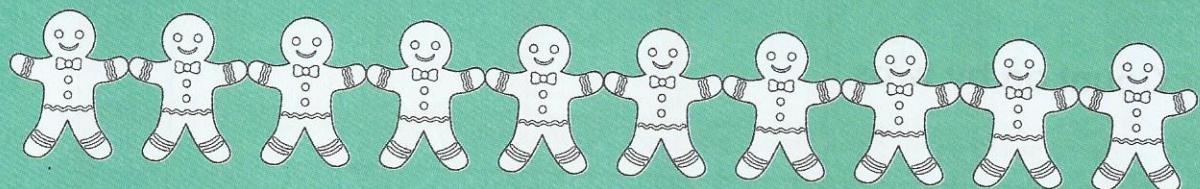
Let's try

Read the tens and ones on the stars. Write the numbers on the lines.

1.  and  $= \underline{30} + \underline{6} = \underline{36}$
2.  and  $= \underline{\hspace{1cm}} + \underline{\hspace{1cm}} = \underline{\hspace{1cm}}$
3.  and  $= \underline{\hspace{1cm}} + \underline{\hspace{1cm}} = \underline{\hspace{1cm}}$
4.  and  $= \underline{\hspace{1cm}} + \underline{\hspace{1cm}} = \underline{\hspace{1cm}}$
5.  and  $= \underline{\hspace{1cm}} + \underline{\hspace{1cm}} = \underline{\hspace{1cm}}$
6.  and  $= \underline{\hspace{1cm}} + \underline{\hspace{1cm}} = \underline{\hspace{1cm}}$

Let's make gingerbread men

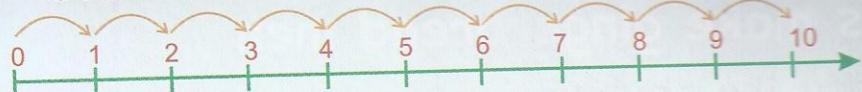
Hoa is in the kitchen. She is baking gingerbread men for all her friends at school. She puts 50 gingerbread men in the oven but only 44 are done. Color the 44 gingerbread men **brown**.



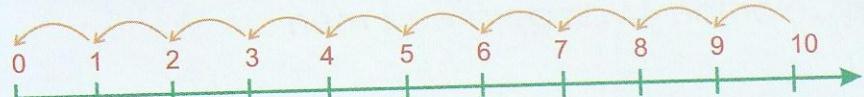
Can you show the tens and ones for 44?

..... tens and ones.

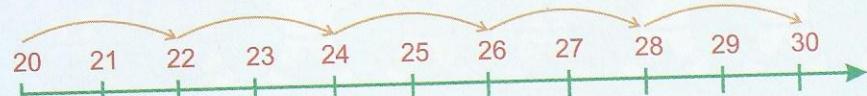
☞ **Count on**



☞ **Count back**



☞ **Count on by twos**



Objectives

To count on and back within 100

Vocabulary

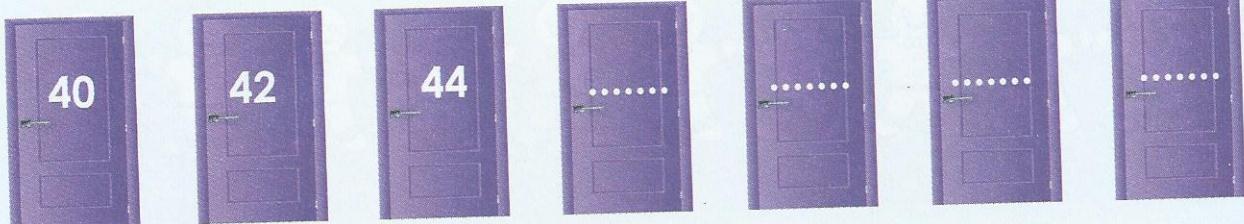
count on

count back

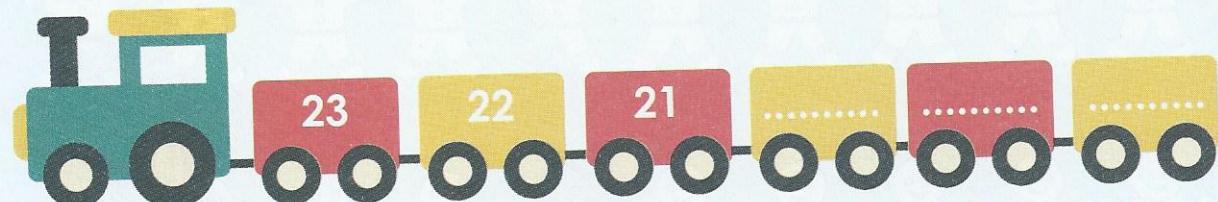
Let's practice ➤

Write the missing number.

1. Count on by twos.



2. Count back by ones.



3. How many fingers? Count on by fives.

5, 10, 15, , ,



..... fingers.

Calendar

1. Write the missing number on the calendar.



2. What day is the 11? Circle.

Monday

Sunday

3. Count back by fives and write the numbers.

30, 25, 20, ,

8

4

X

3

9

Find

$$45 + 24 = ?$$

To add 2-digit numbers, we should:

Step 1

Write the addition sentence in the vertical form

$$\begin{array}{r} 45 \\ + 24 \\ \hline \end{array}$$

Step 2

Add the ones

$$\begin{array}{r} 45 \\ + 24 \\ \hline \dots 9 \end{array}$$

Step 3

Add the tens

$$\begin{array}{r} 45 \\ + 24 \\ \hline 69 \end{array}$$

Objectives

To add 2-digit numbers

Vocabulary

2-digit number
vertical form
regroup

Find

$$28 + 35 = ?$$

Sometimes, we need to **regroup** if the sum of ones is more than 9.

Step 1

Write the addition sentence in the vertical form

$$\begin{array}{r} 28 \\ + 35 \\ \hline \end{array}$$

Step 2

Add the ones

$$\begin{array}{r} 1 \\ 28 \\ + 35 \\ \hline \dots 3 \end{array}$$

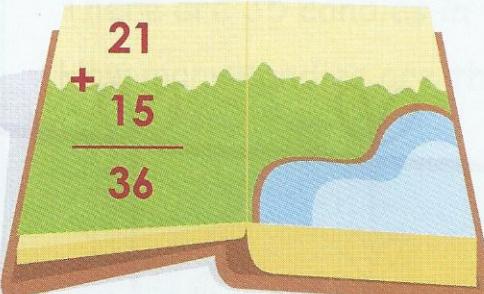
Step 3

Add the tens

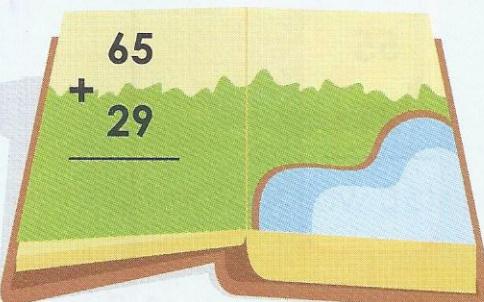
$$\begin{array}{r} 1 \\ 28 \\ + 35 \\ \hline 63 \end{array}$$

Let's practice 

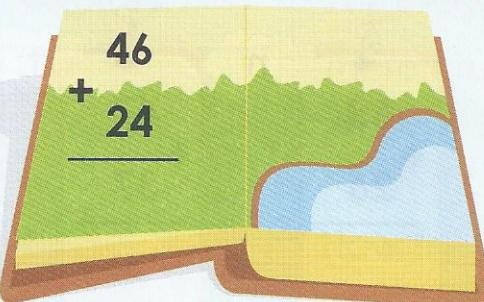
Add and match the book with the pencil.


$$\begin{array}{r} 21 \\ + 15 \\ \hline 36 \end{array}$$




$$\begin{array}{r} 65 \\ + 29 \\ \hline \end{array}$$




$$\begin{array}{r} 46 \\ + 24 \\ \hline \end{array}$$




$$\begin{array}{r} 32 \\ + 51 \\ \hline \end{array}$$



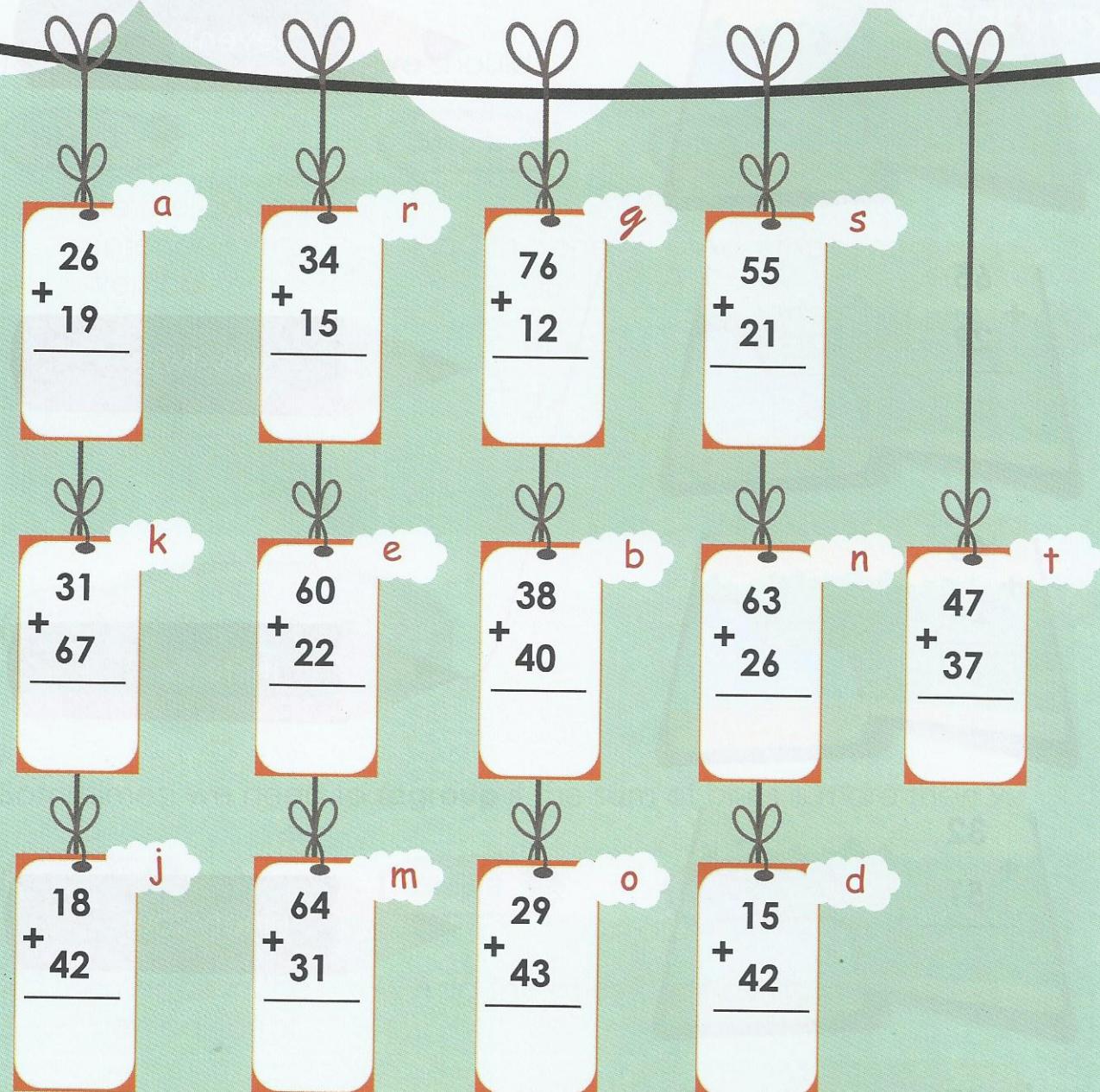

$$\begin{array}{r} 47 \\ + 15 \\ \hline \end{array}$$



Code message

You have a code message. What does it say?

Solve to find out.



$26 + 19$	$34 + 15$	$76 + 12$	$55 + 21$
$31 + 67$	$60 + 22$	$38 + 40$	$63 + 26$
$18 + 42$	$64 + 31$	$29 + 43$	$15 + 42$

Letters corresponding to the problems:

- a, r, g, s, k, e, b, n, t, j, m, o, d

Write the letter on the lines.

g.....! 88 49 82 45 84 60 72 78

There are 25 candies in the first jar.

There are 35 candies in the second jar.

How many candies are there in all?



Objectives

To practice solving problems by adding 2-digit numbers

Remember to follow 3 steps to solve the problem.

UNDERSTAND

What do you know?

There are 25 candies in the first jar and 35 candies in the second jar.

What do you need to find out?

How many candies are there in all?

PLAN

How should you solve the problem?

Add

Subtract

SOLVE

Write an addition sentence.

$$25 \quad + \quad 35 \quad = \quad 60$$

How many candies are there in all? 60 candies.



Let's practice

Solve the problem.



There are 41 students in Class 2A.

And there are 38 students in Class 2B.

How many students are there in all?

UNDERSTAND

What do you know?

.....

.....

What do you need to find out?

.....

PLAN

How should you solve the problem?

Add

Subtract

SOLVE

Write an addition sentence.

.....  =

How many students are there in all? students.

Let's try

Circle the correct answer.

1. There are 21 girls and 18 boys in Trang's class.

How many students are there in her class?

a. 39 students b. 41 students



2. Linh has 32 coins. Her mom gives her 15 more.

How many coins does she have now?

a. 49 coins b. 47 coins



3. There are 37 toys in a toy box.

Hoa puts 25 more toys in it.

How many toys are there now in the toy box?

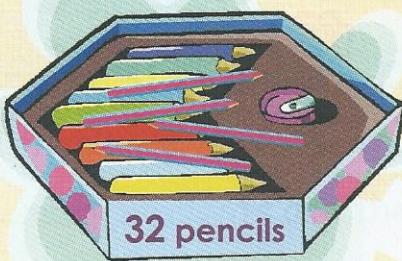
a. 52 toys b. 62 toys



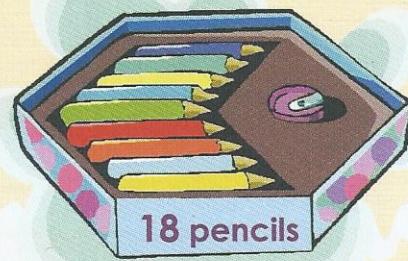
At the bookstore

Miss Nga is at a bookstore. She needs to buy 50 pencils for her students. Which 2 boxes of pencils should she buy?

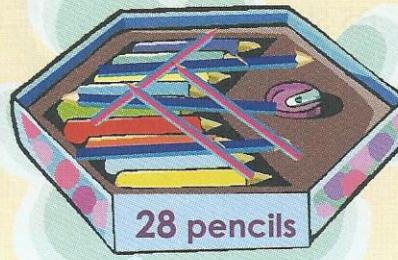
Box A



Box B



Box C



Write the addition sentence:

$$\dots + \dots = 50$$

Answer: Miss Nga should buy Box and Box

Unit 15 Subtraction within 100

Find $67 - 25 = ?$

To subtract 2-digit numbers, we should:

Step 1

Write the subtraction sentence in the vertical form

$$\begin{array}{r} 67 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$$

Step 2

Subtract the ones

$$\begin{array}{r} 67 \\ - 25 \\ \hline \dots 2 \end{array}$$

Step 3

Subtract the tens

$$\begin{array}{r} 67 \\ - 25 \\ \hline 42 \end{array}$$

Find $74 - 38 = ?$

Sometimes, we need to **borrow** to subtract.

Step 1

Write the subtraction sentence in the vertical form

$$\begin{array}{r} 74 \\ - 38 \\ \hline \end{array}$$

Step 2

Subtract the ones and borrow

$$\begin{array}{r} 61 \\ 74 \\ - 38 \\ \hline \dots 6 \end{array}$$

Step 3

Subtract the tens

$$\begin{array}{r} 61 \\ 74 \\ - 38 \\ \hline 36 \end{array}$$

Objective

To subtract 2-digit numbers

Vocabulary

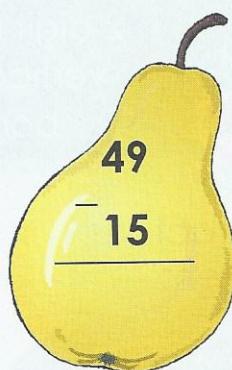
2-digit numbers
vertical form
borrow



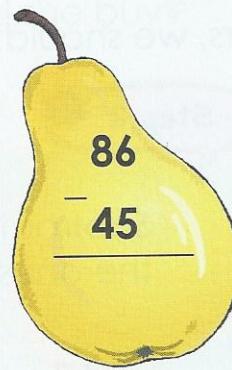
Let's practice

Write the difference.

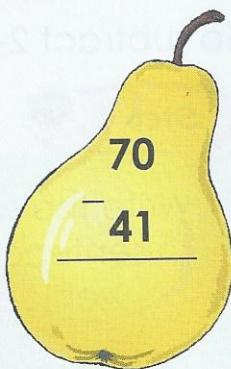
1.



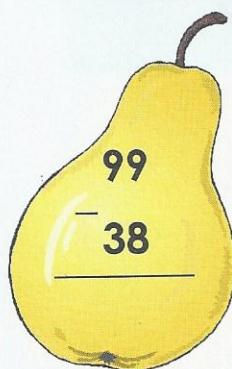
2.



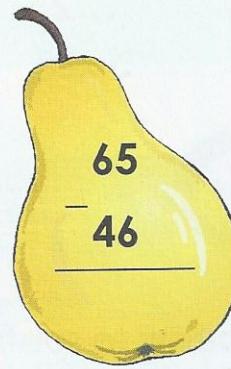
3.



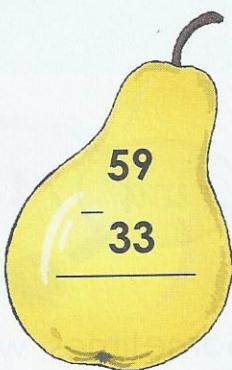
4.



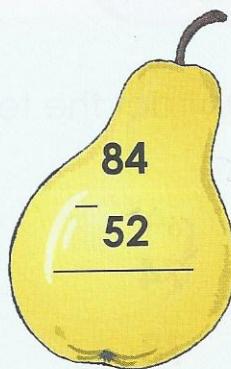
5.



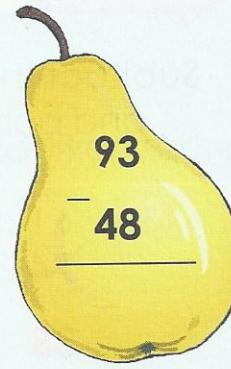
6.



7.



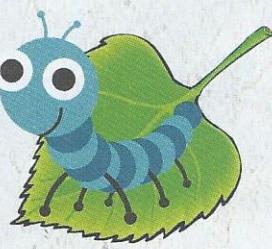
8.



Which subtraction do you need to "borrow"? Circle them.

The hungry caterpillar

The caterpillar is hungry now. But it can only eat the leaves with even numbers. Help it find the differences and color all the even leaves green



1.

$$\begin{array}{r}
 89 \\
 - 45 \\
 \hline
 \end{array}$$

2.

$$\begin{array}{r}
 57 \\
 - 42 \\
 \hline
 \end{array}$$

3.

$$\begin{array}{r}
 76 \\
 - 24 \\
 \hline
 \end{array}$$

4.

$$\begin{array}{r}
 63 \\
 - 33 \\
 \hline
 \end{array}$$

5.

$$\begin{array}{r}
 94 \\
 - 53 \\
 \hline
 \end{array}$$

6.

$$\begin{array}{r}
 68 \\
 - 26 \\
 \hline
 \end{array}$$

7.

$$\begin{array}{r}
 94 \\
 - 52 \\
 \hline
 \end{array}$$

8.

$$\begin{array}{r}
 70 \\
 - 30 \\
 \hline
 \end{array}$$

9.

$$\begin{array}{r}
 47 \\
 - 16 \\
 \hline
 \end{array}$$

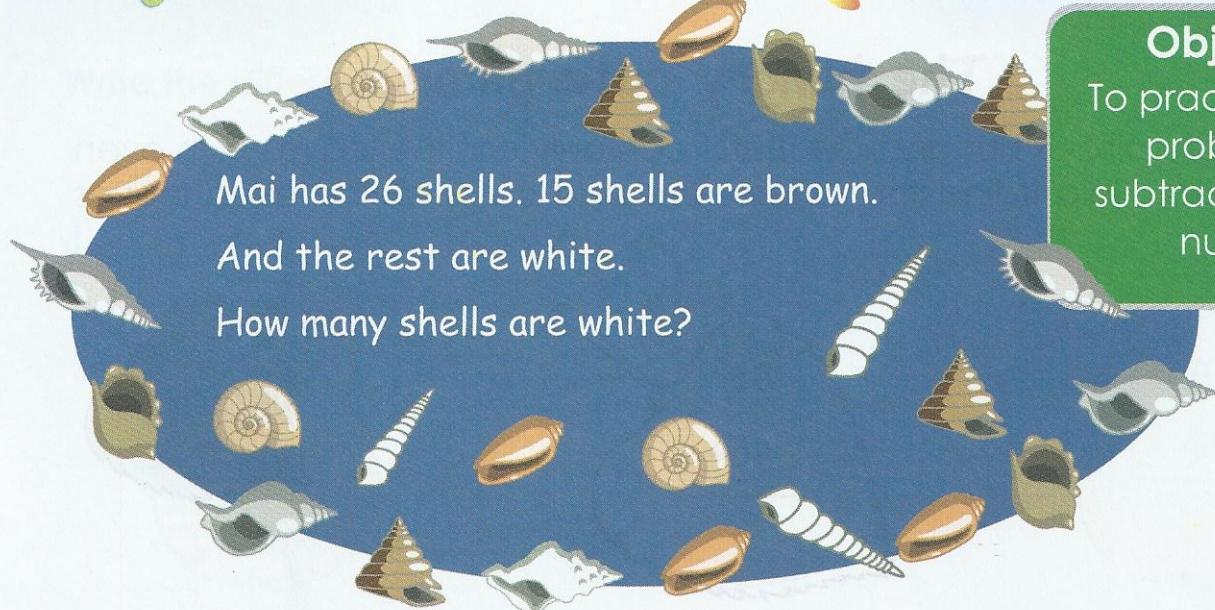
10.

$$\begin{array}{r}
 74 \\
 - 27 \\
 \hline
 \end{array}$$

How many leaves can the caterpillar eat (leaves with even numbers)?

.....

Unit 16 Problem Solving 4



Objectives

To practice solving problems by subtracting 2-digit numbers

Remember to follow 3 steps to solve the problem.

UNDERSTAND

What do you know? – Mai has 26 shells.
– 15 shells are brown.

What do you need to find out?

How many shells are white?

PLAN

How should you solve the problem?

Add

Subtract

SOLVE

Write a subtraction sentence.

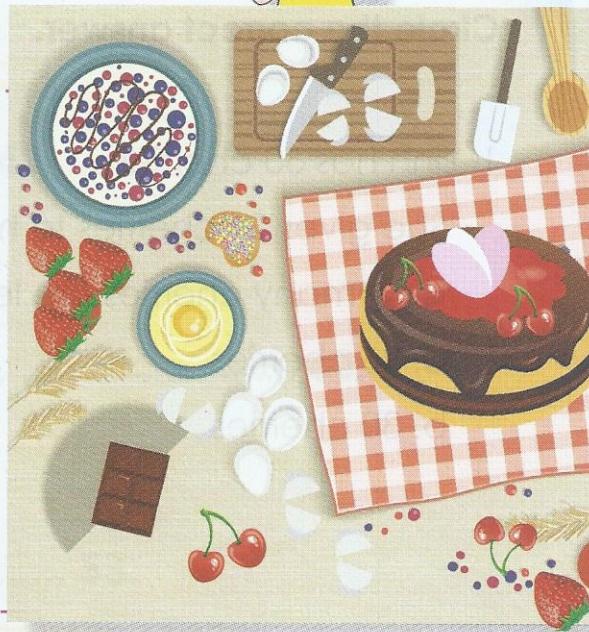
$$\underline{26} \quad - \quad \underline{15} \quad = \quad \underline{11}$$

Answer: ...11... white shells.

Let's practice

Solve the problem.

Ngoc is making a birthday cake.
She has 35 eggs.
She uses 12 eggs to make the cake.
How many eggs are left?



UNDERSTAND

What do you know?

.....
.....

What do you need to find out?

.....

PLAN

How should you solve the problem?

Add

Subtract

SOLVE

Write a subtraction sentence.

.....  =

Answer: eggs.



Let's try

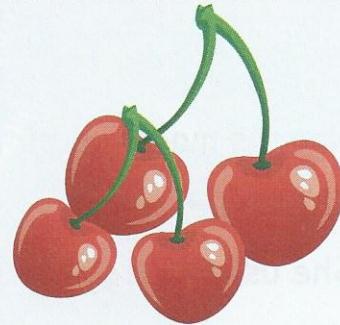
Circle the correct answer.

1. Linh has 50 cherries.

She gives 24 cherries to her mom.

How many cherries are left?

- a. 26 cherries
- b. 30 cherries



cherries

2. There are 68 cows on the field.

40 cows go away.

How many cows are left?

- a. 38 cows
- b. 28 cows



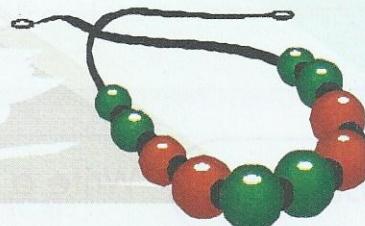
cows on the field

3. Hoa has 70 beads.

She uses 24 beads for her bracelet.

How many beads are left?

- a. 46 beads
- b. 64 beads



beads in a bracelet

Review 3

8

4

-

x

3

9

A. Write the missing number.

1. Count on by 2s.

30, 32, , , 38, , 42,

2. Count on by 5s.

15, 20, , 30, , , 45, , , 60.

3. Count back by 1s.

60, 59, 58, , 56, , , 53.

4. Count back by 10s.

100, , 80, , , 50, 40,

B. Complete.

1. **48** = tens and ones

2. **34** = tens and ones

3. **82** = tens and ones

4. **59** = tens and ones

5. **76** = tens and ones

C. Solve the problem.

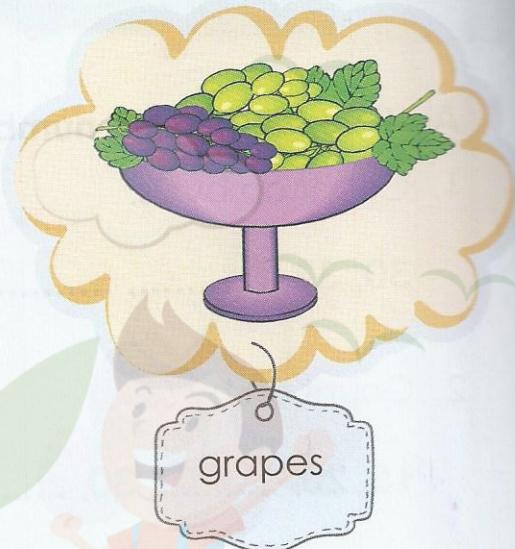
1. Nam eats 24 grapes.

Khoa eats 19 grapes.

How many grapes do the boys eat in all?

$$\dots \bigcirc \dots = \dots$$

Answer: grapes.



2. There are 36 children at a party.

There are 17 boys.

How many girls are there?

$$\dots \bigcirc \dots = \dots$$

Answer: girls.



3. Linh has 28 crayons.

Lan has 45 crayons.

How many crayons do they have altogether?

$$\dots \bigcirc \dots = \dots$$

Answer: crayons.







Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên **MẠC VĂN THIỆN**

Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **GS.TS. VŨ VĂN HÙNG**

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập **PHAN XUÂN KHÁNH**

Q. Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định

TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung :

HOÀNG NGỌC PHƯƠNG – HUỲNH LÊ ÁI NHI

Biên tập kĩ – mĩ thuật :

TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa :

ĐẶNG NGỌC HÀ

Sửa bản in :

HOÀNG NGỌC PHƯƠNG – HUỲNH LÊ ÁI NHI

Chế bản tại :

PHÒNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định –
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.



MATH IN MY WORLD 2

Mã số : T2N11M5 - DVN

In 10.050 bản (QĐ 48), khổ 20,5 x 27,5cm

In tại Công ty TNHH Một Thành Viên In Sài Gòn Giải Phóng.

Số 90A Nguyễn Văn Quá, P. Đông Hưng Thuận, Q.12 - TP. HCM.

Số ĐKXB : 2369-2015/CXBIPH/14-1229/GD

Số QĐXB : 871TK/QĐ-GD, ngày 24 tháng 09 năm 2015

In xong và nộp lưu chiểu tháng 09 năm 2015.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH
Địa chỉ : 231 Nguyễn Văn Cừ, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 38.323.767 | Fax : (08) 38.391.473
Website : www.xuatbangiadinh.vn



VƯƠNG MIỀN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

MỜI CÁC EM TÌM ĐỌC

- ★ MY SECOND DIARY
- ★ GET IT UP 2
- ★ MATH IN MY WORLD 2
- ★ AMAZING SCIENCE 2
- ★ ĐỀ KIỂM TRA THAM KHẢO MÔN TIẾNG ANH 2
(Sử dụng kèm đĩa CD)
- ★ HO CHI MINH CITY, MY LOVELY HOMETOWN



Bộ sách được phát hành tại :

• CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM

Địa chỉ : 231 Nguyễn Văn Cừ, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 3835.1363 - (08) 3835.7197
Fax : (08) 3830.5002 - (08) 3830.5817
Website : www.sachhocro.com.vn

• CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

• CÁC CỬA HÀNG SÁCH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH :

- * 231 Nguyễn Văn Cừ, quận 5. Điện thoại : (08) 3835.2859
- * 223 Nguyễn Tri Phương, quận 5. Điện thoại : (08) 3859.1410
- * 261C Lê Quang Định, quận Bình Thạnh. Điện thoại : (08) 3551.5257
- * 116 Định Tiên Hoàng, quận Bình Thạnh. Điện thoại : (08) 3899.7116

ISBN: 978-604-0-07924-4



9 78604 0 07924 4



Giá : 32.000đ